

Số: 1522/TB-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2015

THÔNG BÁO

Về việc công bố điểm trúng tuyển, phúc khảo và
kế hoạch nhập học, khai giảng đối với sinh viên Khóa 14
(niên khóa 2015-2018) hệ văn bằng đại học thứ hai chính quy

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Hội đồng tuyển sinh văn bằng đại học thứ hai Khóa 14 hệ chính quy năm 2015 của Trường Đại học Luật Hà Nội đã họp để xác định điểm trúng tuyển. Tại phiên họp, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đã kết luận như sau:

1. Điểm trúng tuyển

Điểm trúng tuyển đối với Khóa 14 hệ văn bằng đại học thứ hai chính quy: Tổng điểm hai môn thi là 8,50 điểm (không có môn nào bị điểm 0).

2. Công tác phúc khảo

- Thời hạn nhận đơn phúc khảo: Từ 16/6/2015 đến hết ngày 23/6/2015.
- Lệ phí phúc khảo: 30.000 đồng/môn
- Thí sinh nộp đơn và lệ phí tại Phòng Đào tạo A.107
- Thời gian công bố kết quả phúc khảo: Ngày 30/6/2015 tại Website của Trường.

3. Kế hoạch nhập học, khai giảng

- Thí sinh trúng tuyển nhận Giấy triệu tập học vào ngày 04/8/2015 tại Phòng Đào tạo A.107.
- Nhập học: Ngày 15/8/2015.
- Khai giảng (dự kiến): Ngày 16/8/2015.
- Học theo thời khóa biểu từ ngày 17/8/2015./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để b/c);
- BBT Website Trường (để đưa tin);
- Lưu: VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LUẬT
HÀ NỘI

Lê Đình Nghị



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 1

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	V14.00002	Chữ Tuấn Anh	01/07/91		TSTD	7.00	3.50	10.50	10.50	
2	V14.00003	Đinh Thị Thùy Anh	27/10/92	Nữ	TSTD	1.00	4.00	5.00	5.00	
3	V14.00004	Đoàn Văn Anh	10/07/87		TSTD	2.50	3.50	6.00	6.00	
4	V14.00006	Đỗ Tuyết Anh	29/07/90	Nữ	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	7.00	3.50	10.50	10.50	
5	V14.00007	Giáp Tuấn Anh	19/10/85		Viện Kiểm sát quân sự Khu vực 11	8.00	4.00	12.00	12.00	
6	V14.00008	Hà Đức Tuấn Anh	20/10/86		Thanh tra sở xây dựng HN	6.00	2.00	8.00	8.00	
7	V14.00009	Hà Thị Lan Anh	12/06/91	Nữ	TSTD	7.00	7.00	14.00	14.00	
8	V14.00014	Lê Phương Anh	08/06/89	Nữ	Đảng ủy phường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	3.50	3.50	7.00	7.00	
9	V14.00015	Lê Hoàng Anh	10/06/91		TSTD	8.00	3.50	11.50	11.50	
10	V14.00016	Lê Tuấn Anh	20/10/92		TSTD	7.00	6.00	13.00	13.00	
11	V14.00017	Lê Đức Anh	26/10/88		TSTD	2.00	1.50	3.50	3.50	
12	V14.00018	Ngô Đức Anh	17/05/88		TSTD	2.00	3.50	5.50	5.50	
13	V14.00019	Nguyễn Nữ Lan Anh	21/07/92	Nữ	TSTD	3.50	1.00	4.50	4.50	
14	V14.00023	Nguyễn Tuấn Anh	01/02/86		Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh	8.00	4.00	12.00	12.00	
15	V14.00024	Nguyễn Hoài Anh	02/08/92	Nữ	TSTD	3.50	3.00	6.50	6.50	
16	V14.00026	Nguyễn Tuấn Anh	16/07/89		CT TNHH Đầu tư và TM Hoàng Trung Anh	7.50	6.00	13.50	13.50	
17	V14.00027	Nguyễn Đức Anh	20/05/89		TSTD	3.00	3.50	6.50	6.50	
18	V14.00028	Nguyễn Quốc Anh	24/09/92		TSTD	6.50	4.00	10.50	10.50	
19	V14.00029	Nguyễn Hải Anh	25/04/92	Nữ	TSTD	5.50	5.50	11.00	11.00	
20	V14.00030	Nguyễn Đức Anh	26/04/88		Công ty cổ phần xây dựng Vinaconex	6.50	3.50	10.00	10.00	
21	V14.00032	Nguyễn Hoàng Anh	31/08/90		TSTD	3.00	4.00	7.00	7.00	
22	V14.00033	Nông Việt Anh	26/06/91		TSTD	4.00	2.00	6.00	6.00	
23	V14.00034	Hoàng Thị Hoài An	01/10/79	Nữ	TSTD	3.50	5.50	9.00	9.00	
24	V14.00035	Phan Thị Lan Anh	24/11/91	Nữ	TSTD	3.50	3.00	6.50	6.50	
25	V14.00036	Phạm Thị Kim Anh	12/12/85	Nữ	TSTD	2.50	3.00	5.50	5.50	
26	V14.00038	Phạm Quỳnh Anh	16/02/92	Nữ	CTCP dịch vụ bảo vệ Đại Hoàng Gia	5.50	3.50	9.00	9.00	
27	V14.00039	Phạm Hoài Anh	17/12/74		Tổng công ty hàng không Việt Nam	7.00	2.50	9.50	9.50	
28	V14.00040	Phùng Đức Hiếu Anh	03/07/90		Bảo dân tộc và phát triển	3.00	6.50	9.50	9.50	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 2

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
29	V14.00041	Phùng Thị Phương Anh	24/08/92	Nữ	Trường ĐH kiểm sát HN	3.50	4.00	7.50	7.50	
30	V14.00043	Trần Thị Ngọc Anh	03/02/90	Nữ	Đảng ủy phường Cầu Diễn	3.00	2.00	5.00	5.00	
31	V14.00044	Trần Thị Phương Anh	31/08/91	Nữ	TSTD	2.00	3.50	5.50	5.50	
32	V14.00045	Trần Quyên Anh	04/10/88		TSTD	6.50	7.00	13.50	13.50	
33	V14.00046	Trần Mai Anh	15/03/88	Nữ	Trung tâm nghiên cứu và tư vấn xây dựng	3.00	5.00	8.00	8.00	
34	V14.00047	Trịnh Phạm Quỳnh Anh	31/08/77	Nữ	TSTD	3.00	3.00	6.00	6.00	
35	V14.00049	Trương Thị Quỳnh Anh	22/10/91	Nữ	Quận đoàn Nam Từ Liêm - HN	2.50	2.00	4.50	4.50	
36	V14.00050	Vũ Thị Việt Anh	14/12/81	Nữ	Trường ĐH Luật HN	7.00	1.00	8.00	8.00	
37	V14.00051	Vũ Văn Anh	31/12/92	Nữ	TSTD	2.00	4.00	6.00	6.00	
38	V14.00052	Lê Minh An	25/11/90		TSTD	2.00	5.00	7.00	7.00	
39	V14.00053	Mai Đức An	01/02/79		TSTD	4.00	2.50	6.50	6.50	
40	V14.00054	Nguyễn Thị Kim An	26/10/90	Nữ	TSTD	2.50	3.50	6.00	6.00	
41	V14.00056	Vũ Thị Thúy An	09/12/90	Nữ	CTTNHH Thương mại và dịch vụ Minh tú	4.00		4.00	4.00	
42	V14.00057	Lê Ngọc ánh	16/05/90	Nữ	Học viện chính trị công an nhân dân	7.00	3.50	10.50	10.50	
43	V14.00058	Ngô Thị Ngọc ánh	02/09/89	Nữ	Ngân hàng Nam á - HN	7.50	6.50	14.00	14.00	
44	V14.00059	Nguyễn Thị Ngọc ánh	20/02/88	Nữ	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Từ Liêm	5.50	3.50	9.00	9.00	
45	V14.00060	Nguyễn Thị Ngọc ánh	29/06/86	Nữ	Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	3.00	3.00	6.00	6.00	
46	V14.00061	Trần Thị ánh	08/12/88	Nữ	Doanh nghiệp tư nhân Linh ánh	3.00	4.00	7.00	7.00	
47	V14.00062	Trần Thị ánh	11/06/91	Nữ	TSTD	3.50	2.00	5.50	5.50	
48	V14.00065	Nguyễn Ngọc Bảo	31/07/88		Công ty TNHH xử lý môi trường Sao Sáng Bắc Ninh	8.00	7.00	15.00	15.00	
49	V14.00067	Nguyễn Cao Bắc	03/03/82		TSTD	5.50	6.00	11.50	11.50	
50	V14.00069	Nguyễn Ngọc Biên	25/08/85		CTCP tư vấn bất động sản	4.00	3.00	7.00	7.00	
51	V14.00070	Nguyễn Ngọc Bích	12/03/89	Nữ	May School	3.00	5.00	8.00	8.00	
52	V14.00071	Nguyễn Tiến Bính	23/10/76		Học viện khoa học quân sự	2.50	3.00	5.50	5.50	
53	V14.00072	Dương Thị Thanh Bình	07/11/84	Nữ	UBND Thành phố Việt Trì	7.00	5.50	12.50	12.50	
54	V14.00073	Dương Ngọc Bình	09/11/86		Tạp chí Kiểm sát	5.00	6.50	11.50	11.50	
55	V14.00074	Hoàng Thị Thanh Bình	11/04/77	Nữ	Ngân hàng TMCP Sài gòn - HN	0.00	5.00	5.00	5.00	
56	V14.00075	Hoàng Nghĩa Bình	09/06/90		TSTD	5.00	2.00	7.00	7.00	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 3

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
57	V14.00076	Hoàng Văn Bình	30/05/88		Tổng cục môi trường	4.00	3.50	7.50	7.50	
58	V14.00077	Nguyễn Thanh Bình	01/05/90		TSID	3.50	2.00	5.50	5.50	
59	V14.00079	Nguyễn Hải Bình	28/07/75		CTTNHH Thương mại và du lịch Hùng Vỹ	2.00	3.00	5.00	5.00	
60	V14.00080	Phùng Thanh Bình	10/11/83		Trung tâm dịch vụ khách hàng VNPT Hà Nội	1.50	2.00	3.50	3.50	
61	V14.00082	Nguyễn Hương Chà	17/05/91	Nữ	TSID	3.00		3.00	3.00	
62	V14.00085	Nguyễn Minh Châu	24/03/91	Nữ	CTCP thép Việt ý	1.00	5.00	6.00	6.00	
63	V14.00086	Đặng Diệu Chi	19/09/91	Nữ	TSID	2.50	6.00	8.50	8.50	
64	V14.00087	Đinh Linh Chi	14/09/77	Nữ	NH TNHH MTV Standard Chartered VN	4.00	5.50	9.50	9.50	
65	V14.00088	Đỗ Yến Chi	09/12/92	Nữ	TSID	3.00	3.50	6.50	6.50	
66	V14.00090	Đinh Văn Chiến	15/08/90		TSID	7.50	4.00	11.50	11.50	
67	V14.00092	Nguyễn Ngọc Chiến	22/04/84		Cục sở hữu trí tuệ	4.50	7.00	11.50	11.50	
68	V14.00093	Nguyễn Quỳnh Chi	18/08/91	Nữ	TSID	0.50	1.50	2.00	2.00	
69	V14.00094	Nguyễn Văn Chính	03/12/89		TSID	3.50	2.50	6.00	6.00	
70	V14.00095	Phan Thị Chi	30/8 /90	Nữ	TSID	5.50	2.00	7.50	7.50	
71	V14.00097	Nguyễn Cao Chí	14/06/90		TSID	4.00	5.00	9.00	9.00	
72	V14.00099	Nông Đức Chính	10/03/92		TSID	4.00	4.50	8.50	8.50	
73	V14.00101	Phan Thanh Chung	08/01/87		TSID	3.50	3.50	7.00	7.00	
74	V14.00102	Vũ Hà Chung	04/06/88		Viện đào tạo quốc tế - HV tài chính	4.00	2.50	6.50	6.50	
75	V14.00103	An Thị Hồng Chuyên	01/01/88	Nữ	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.50	7.00	12.50	12.50	
76	V14.00105	Triệu Văn Chúc	27/07/74		Sở Công thương Vĩnh Phúc	3.50	2.50	6.00	6.00	
77	V14.00106	Nguyễn Văn Chúc	17/06/87		CT cổ phần Comar Việt Nam	4.50	6.50	11.00	11.00	
78	V14.00107	Lê Viết Công	23/10/91		TSID	3.50	7.00	10.50	10.50	
79	V14.00109	Nguyễn Văn Công	14/09/90		Đài truyền hình VN	4.00	6.00	10.00	10.00	
80	V14.00110	Phạm Thành Công	02/07/91		Ngân hàng HD Bank	2.50	4.00	6.50	6.50	
81	V14.00111	Vũ Thành Công	02/09/87		Ban BTGP Mặt bằng quận Đống Đa	7.00	6.00	13.00	13.00	
82	V14.00113	Nguyễn Thị Cúc	20/07/91	Nữ	TAND tỉnh Bắc Ninh	4.00	6.50	10.50	10.50	
83	V14.00114	Bùi Văn Cương	04/02/86		Trung tâm VHIT huyện Lạc Sơn, Hòa Bình	3.00	3.50	6.50	6.50	
84	V14.00115	Nguyễn Đại Cương	27/01/90		TSID	6.00	5.00	11.00	11.00	

m

BIỂU SỐ 07/TSDH

ĐẠI HỌC

Đang ký dự thi

HÀ NỘI

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 4

(Kèm theo quyết định số:

1/QĐ-DHLH ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
85	V14.00117	Bùi Mạnh Cường	28/07/85		Ngân hàng TMCP công thương	0.00	3.00	3.00	3.00	
86	V14.00119	Đinh Doãn Cường	16/10/89		TSTD	7.50	6.00	13.50	13.50	
87	V14.00120	Đinh Việt Cường	18/07/90		TSTD	4.50	8.50	13.00	13.00	
88	V14.00122	Hà Đoàn Cường	13/06/87		UBND Quận Thanh Xuân - HN	4.00	2.00	6.00	6.00	
89	V14.00123	Lê Văn Cường	03/02/90		Công ty TNHH ZETC VN	4.00	6.00	10.00	10.00	
90	V14.00124	Lê Mạnh Cường	12/12/89		CTCP phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST	3.00	5.00	8.00	8.00	
91	V14.00125	Lê Mạnh Cường	31/10/86		Tòa án nhân dân tối cao	4.00	3.00	7.00	7.00	
92	V14.00126	Nguyễn Mạnh Cường	09/02/89		Nhà xuất bản lao động - xã hội	3.00	4.00	7.00	7.00	
93	V14.00127	Nguyễn Mạnh Cường	01/08/83		Cục Sở hữu trí tuệ	3.50	4.50	8.00	8.00	
94	V14.00128	Nguyễn Việt Cường	14/11/85		Thanh tra tỉnh Ninh Bình	6.50	5.00	11.50	11.50	
95	V14.00129	Nguyễn Mạnh Cường	12/08/87		TSTD	5.50	4.00	9.50	9.50	
96	V14.00130	Phạm Cao Cường	07/10/82		Ngân hàng TMCP Petrolimex	1.50	.	1.50	1.50	
97	V14.00131	Phạm Hùng Cường	21/10/85		CT TNHH MDFVintator Tân An Hòa Bình	4.00	2.00	6.00	6.00	
98	V14.00134	Trần Văn Cường	26/10/88		TSTD	3.50	3.00	6.50	6.50	
99	V14.00135	Trần Ngọc Danh	02/01/90		CT TNHH công nghệ năng lượng & tự động hóa	5.00	4.00	9.00	9.00	
100	V14.00137	Lê Hồng Diễm	24/08/88	Nữ	TSTD	1.50	3.00	4.50	4.50	
101	V14.00138	Lê Hoàng Diệp	24/03/86	Nữ	Ban TCLĐ và tiền lương Agribank	4.00	6.00	10.00	10.00	
102	V14.00139	Phạm Hồng Diệp	13/03/73	Nữ	Phòng Y tế quận Thanh Xuân - HN	4.50	4.00	8.50	8.50	
103	V14.00140	Phạm Xuân Diệu	01/06/88		Báo pháp luật Việt Nam	7.00	6.00	13.00	13.00	
104	V14.00141	Nguyễn Thị Đình	25/03/82	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại dương	3.50	3.00	6.50	6.50	
105	V14.00142	Bùi Thị Thanh Dung	28/11/87	Nữ	Trung tâm cung cấp DV công tác XH Hà Nội	2.50	1.00	3.50	3.50	
106	V14.00143	Đào Thị Kim Dung	14/01/92	Nữ	Tập đoàn nội thất Vietbuild Tất Đạt	3.00	4.50	7.50	7.50	
107	V14.00144	Đào Thị Phương Nhung	16/08/86	Nữ	Nhà xuất bản chính trị quốc gia	1.50	1.00	2.50	2.50	
108	V14.00146	Nguyễn Thị Lê Dung	13/05/88	Nữ	TSTD	5.00	5.50	10.50	10.50	
109	V14.00148	Nguyễn Thùy Dung	21/10/91	Nữ	CTCP Giáo dục Việt Nam	3.50	5.00	8.50	8.50	
110	V14.00149	Nguyễn Thị Dung	22/05/83	Nữ	TSTD	3.00	4.00	7.00	7.00	
111	V14.00150	Phạm Thị Xuân Dung	03/12/88	Nữ	CTCP xi măng Tân Thắng	4.50	3.00	7.50	7.50	
112	V14.00151	Phùng Thị Kim Dung	02/05/90	Nữ	Sở lao động TBXH Hà nội	3.50	5.00	8.50	8.50	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 5

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
113	V14.00153	Vũ Ngọc Dung	01/08/85		TSTD	3.50	5.00	8.50	8.50	
114	V14.00154	Phú Lê Duyên	11/01/83	Nữ	TAND huyện Hạ Hòa - Phú Thọ	4.50	6.50	11.00	11.00	
115	V14.00155	Trần Thị Thúy	10/08/91	Nữ	TSTD	3.00	3.00	6.00	6.00	
116	V14.00156	Vũ Thị Duyên	22/06/91	Nữ	TSTD	3.00	5.00	8.00	8.00	
117	V14.00158	Nguyễn Thái Duy	14/08/87		Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN	4.00	3.00	7.00	7.00	
118	V14.00159	Phạm Duy	11/11/92		Công ty cổ phần TSC Hà Nội	5.50	6.00	11.50	11.50	
119	V14.00162	Trần Ba Duy	01/04/91		TSTD	5.50	3.00	8.50	8.50	
120	V14.00163	Trịnh Quang Duy	12/11/92		Công ty TNHH Tin học Minh Hà	4.00	5.00	9.00	9.00	
121	V14.00165	Lô Trung Dũng	19/10/88		TSTD	3.50	6.00	9.50	9.50	
122	V14.00166	Lương Việt Dũng	02/11/90		Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.50	3.00	5.50	5.50	
123	V14.00167	Nguyễn Tuấn Dũng	05/02/86		TSTD	1.00	4.50	5.50	5.50	
124	V14.00170	Nguyễn Xuân Dũng	17/10/83		Công ty Bảo hiểm Pico Thăng Long	3.00	3.00	6.00	6.00	
125	V14.00171	Nguyễn Văn Dũng	20/06/90		Công ty TNHH 1 thành viên SHIT VCCI	5.00	4.00	9.00	9.00	
126	V14.00172	Nguyễn Tuấn Dũng	20/10/83		Ngân hàng VIB	2.50	5.00	7.50	7.50	
127	V14.00173	Nguyễn Mạnh Dũng	28/04/90		Ngân hàng TMCP Đại dương	1.00	3.50	4.50	4.50	
128	V14.00174	Nguyễn Văn Dũng	28/11/89		Bảo Đời sống và tiêu dùng	1.50	5.00	6.50	6.50	
129	V14.00178	Vũ Tuấn Dũng	09/10/86		Công ty hợp danh Kiểm toán VN	1.50	2.00	3.50	3.50	
130	V14.00179	Bùi Thị Thùy Dương	15/07/91	Nữ	TSTD	6.50	4.00	10.50	10.50	
131	V14.00180	Đỗ Thùy Dương	23/08/85	Nữ	Sở nội vụ tỉnh Hưng Yên	3.75	5.50	9.25	9.50	
132	V14.00181	Lê Thị Thùy Lương	06/09/85	Nữ	Công ty TNHH Phú Dũng	1.50	2.00	3.50	3.50	
133	V14.00182	Lê Thành Lương	08/04/88		Bệnh viện tai mũi họng TW	3.50	5.00	8.50	8.50	
134	V14.00183	Lê Văn Lương	22/10/90		TSTD	2.00	4.00	6.00	6.00	
135	V14.00184	Lỗ Văn Lương	22/09/86		Viện kiểm sát nhân dân tối cao	6.00	4.00	10.00	10.00	
136	V14.00185	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	10/01/90	Nữ	Bộ Tư pháp	4.50	7.00	11.50	11.50	
137	V14.00186	Nguyễn Mạnh Dương	27/05/91		TSTD	4.00	3.00	7.00	7.00	
138	V14.00188	Phan Văn Dương	08/01/92		TSTD	3.00	1.00	4.00	4.00	
139	V14.00190	Tạ Văn Đà	03/04/88		TSTD	2.50	3.00	5.50	5.50	
140	V14.00192	Nguyễn Minh Đạo	30/05/77		Vụ KH - TC, Viện kiểm sát nhân dân tối cao	4.50	6.00	10.50	10.50	





SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 6

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Đạt	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
141	V14.00193	Đỗ Tuấn	Đạt	17/11/90		TSID	0.50	1.00	1.50	1.50	
142	V14.00194	Ngô Hữu	Đạt	04/09/91		CT phát hành báo chí TW	3.00	4.00	7.00	7.00	
143	V14.00195	Ngô Minh	Đạt	20/07/91		Tổng CTCP xây dựng công nghiệp VN	4.50	3.00	7.50	7.50	
144	V14.00196	Phạm Tất	Đạt	01/04/93		CT TNHH Tư vấn giáo dục và đào tạo Hà Thành	3.00	2.50	5.50	5.50	
145	V14.00197	Lê Hải	Đang	06/02/92		TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
146	V14.00199	Luyện Quang	Điện	04/08/89		Hải Đoàn 129	5.50	5.00	10.50	10.50	
147	V14.00200	Vũ Hoàng	Điện	08/12/81		CTCP Công nghệ Việt - CNV	4.00	3.00	7.00	7.00	
148	V14.00201	Bùi Văn	Định	23/04/90		CT TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C	4.50	5.00	9.50	9.50	
149	V14.00203	Dương Văn	Định	28/02/92		TSID	4.50	5.00	9.50	9.50	
150	V14.00205	Lê Công	Đoàn	21/10/82		Thanh tra XD Quận Hoàng Mai - HN	2.50	2.00	4.50	4.50	
151	V14.00206	Trần Khắc	Đoàn	30/09/85		TSID	6.00	6.00	12.00	12.00	
152	V14.00207	Hoàng Văn	Đông	10/04/86		Công ty TNHH Luật Việt Tân	4.00	4.00	8.00	8.00	
153	V14.00208	Lê Văn	Đông	18/05/88		CTCP phát triển đô thị VN	2.50	4.50	7.00	7.00	
154	V14.00209	Nguyễn Huy	Đông	12/12/90		TSID	3.00	2.50	5.50	5.50	
155	V14.00211	Phan Lê	Đổng	26/02/85		Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng TTCP	4.00	4.00	8.00	8.00	
156	V14.00212	Phạm Thị	Đua	11/06/89	Nữ	TSID	5.50	3.50	9.00	9.00	
157	V14.00213	Hoàng Mạnh	Đường	24/01/84		Sở Tư pháp Hà Giang	4.00	3.50	7.50	7.50	
158	V14.00214	Lương Hải	Đường	30/05/91		TSID	4.00	6.00	10.00	10.00	
159	V14.00216	Lê Thế	Đức	12/12/85		TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
160	V14.00218	Nguyễn Hoàng	Đức	12/05/85		Thanh tra XD Q. Hoàn Kiếm	3.00	3.00	6.00	6.00	
161	V14.00219	Nguyễn Minh	Đức	19/04/86		VKS Quân sự Quân khu I	6.00	5.00	11.00	11.00	
162	V14.00220	Nguyễn Tuấn	Đức	21/10/80		Công ty TNHH Nhất Việt	3.50	3.00	6.50	6.50	
163	V14.00221	Nguyễn Minh	Đức	22/01/92		TSID	2.50	4.00	6.50	6.50	
164	V14.00222	Nguyễn Tài	Đức	27/04/92		TSID	4.00	6.00	10.00	10.00	
165	V14.00223	Nguyễn Thành	Đức	29/05/84		CTCP vận tải chuyển phát nhanh Hải Hà	0.00	1.00	1.00	1.00	
166	V14.00225	Phạm Anh	Đức	06/03/89		TSID	2.50	1.50	4.00	4.00	
167	V14.00227	Phạm Văn	Đức	23/01/85		Ban bồi thường GPMB quận Đống Đa, HN	3.50	1.00	4.50	4.50	
168	V14.00228	Phạm Trọng	Đức	29/07/75		Tạp chí kiểm tra-ủy ban kiểm tra trung ương	2.50	5.00	7.50	7.50	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 7

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
169	* V14.00230	Trần Xuân Đức	29/12/87		TSTD	3.50	3.50	7.00	7.00	
170	V14.00231	Trịnh Minh Đức	30/09/86		UBND phường Quang Trung, Phủ Lý, Hà nam	3.00	4.50	7.50	7.50	
171	V14.00232	Trương Đình Đức	19/12/91		TSID	3.50	.	3.50	3.50	
172	V14.00235	Vũ Minh Đức	27/10/90		CT TNHH F - AGREX toàn cầu	3.00	4.00	7.00	7.00	
173	V14.00236	Vương Minh Đức	14/11/85		TSTD	5.00	3.50	8.50	8.50	
174	V14.00237	Đào Anh Giang	21/04/87		TSID	7.00	3.00	10.00	10.00	
175	V14.00239	Đỗ Hoàng Giang	14/04/91		TSID	4.50	3.00	7.50	7.50	
176	V14.00240	Hoàng Hương Giang	08/04/86	Nữ	Công ty TNHH truyền thông Neway	3.00	2.00	5.00	5.00	
177	V14.00241	Lê Thị Hoàng Giang	02/09/90	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
178	V14.00242	Lê Phú Giang	30/01/84		TSID	4.00	2.00	6.00	6.00	
179	V14.00243	Nghiêm Thị Minh Giang	07/05/89	Nữ	Khoa Luật-ĐH Quốc gia Hn	3.50	5.00	8.50	8.50	
180	V14.00244	Nguyễn Phan Giang	02/06/86		TSID	3.00	4.50	7.50	7.50	
181	V14.00245	Nguyễn Hương Giang	07/11/90	Nữ	TSID	7.00	4.00	11.00	11.00	
182	V14.00247	Phạm Kiên Giang	18/08/89		VKSND tỉnh Ninh Bình	5.00	2.00	7.00	7.00	
183	V14.00248	Tô Bảo Hoàng Giang	21/10/88	Nữ	TSTD	3.00	4.00	7.00	7.00	
184	V14.00249	Trần Hương Giang	29/06/92	Nữ	TSID	3.00	3.50	6.50	6.50	
185	V14.00250	Lê Thị Quỳnh Giao	30/03/90	Nữ	UBND quận Nam Từ Liêm	3.50	3.00	6.50	6.50	
186	V14.00252	Nguyễn Hữu Giáp	29/08/89		Khách sạn Army - Bộ Quốc Phòng	4.50	1.50	6.00	6.00	
187	V14.00253	Phạm Văn Giáp	01/09/81		Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	3.00	7.00	10.00	10.00	
188	V14.00254	Võ Nguyên Giáp	26/11/88		TSTD	3.50	2.50	6.00	6.00	
189	V14.00256	Dương Thị Hà	01/01/87	Nữ	Chi cục thuế TP Thái Nguyên	4.00	3.50	7.50	7.50	
190	V14.00257	Dương Đức Hà	01/12/91		Viện Khoa học pháp lý - BTP	5.00	1.50	6.50	6.50	
191	V14.00258	Đặng Thị Hải Hà	02/02/89	Nữ	Tòa án nhân dân Tối cao	3.00	2.50	5.50	5.50	
192	V14.00261	Đỗ Thị Hải Hà	24/01/92	Nữ	CT TNHH MTV INCO Hà Nội	4.50	2.50	7.00	7.00	
193	V14.00262	Lê Thị Vân Hà	21/09/85	Nữ	Ngân hàng Agribank	5.00	5.50	10.50	10.50	
194	V14.00264	Lê Ngân Hà	11/11/90	Nữ	Tạp chí kiểm sát - Viện KSNDTC	3.50	3.50	7.00	7.00	
195	V14.00265	Lê Thu Hà	24/11/81	Nữ	Ngân hàng TMCP đại chúng VN	4.50	4.00	8.50	8.50	
196	V14.00266	Nguyễn Thị Thái Hà	11/07/91	Nữ	Thành đoàn Hà Nội	7.00	4.00	11.00	11.00	

[Handwritten signature]

**SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015****Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14**

Trang 8

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
197	V14.00267	Nguyễn Thị Ngọc Hà	08/08/91	Nữ	TSTD	3.50	6.00	9.50	9.50	
198	V14.00270	Nguyễn Thu Hà	15/08/90	Nữ	TSTD	5.00	1.50	6.50	6.50	
199	V14.00271	Nguyễn Thu Hà	20/09/91	Nữ	CT sách giáo dục HN	5.00	6.00	11.00	11.00	
200	V14.00272	Nguyễn Mạnh Hà	22/06/84		TSTD	3.00	2.50	5.50	5.50	
201	V14.00273	Ngụy Thị Hà	02/06/91	Nữ	TSTD	3.00	4.50	7.50	7.50	
202	V14.00275	Phan Việt Hà	28/08/92		TSTD	8.00	3.00	11.00	11.00	
203	V14.00276	Phạm Hải Hà	30/12/87	Nữ	UBND phường Kim Liên - Đống Đa - HN	3.00	3.50	6.50	6.50	
204	V14.00277	Tạ Đăng Hà	20/12/90		Trung tâm phát triển quỹ đất và quản lý DTHTĐT	3.50	3.50	7.00	7.00	
205	V14.00278	Trần Thanh Hà	21/08/91	Nữ	TSTD	1.00	7.00	8.00	8.00	
206	V14.00279	Trần Thu Hà	23/09/88	Nữ	CT TNHH Deloitte Việt Nam	7.00	4.50	11.50	11.50	
207	V14.00280	Triệu Thị Hà	01/03/90	Nữ	TSTD	4.00	5.50	9.50	9.50	
208	V14.00281	Trịnh Thu Hà	28/12/91	Nữ	TSTD	8.00	5.50	13.50	13.50	
209	V14.00282	Vũ Thị Hằng Hà	06/03/85	Nữ	TSTD	4.00	4.00	8.00	8.00	
210	V14.00283	Vũ Thu Hà	03/07/87	Nữ	Công ty cổ phần XDTM tổng hợp Hồng Hà	0.00	2.00	2.00	2.00	
211	V14.00284	Vũ Sơn Hà	18/04/88		TSTD	2.00	3.00	5.00	5.00	
212	V14.00285	Vũ Thanh Hà	24/05/85	Nữ	Ngân hàng TMCP Phương Nam	5.00	4.00	9.00	9.00	
213	V14.00286	Doãn Thị Hải	20/05/90	Nữ	Cục thi hành án DS tỉnh Hưng Yên	4.50	4.00	8.50	8.50	
214	V14.00287	Dương Thanh Hải	21/06/86		CTCPCNTC Viễn Thông FTL	3.00	4.50	7.50	7.50	
215	V14.00288	Đào Văn Hải	30/08/91		TSTD	4.00	4.00	8.00	8.00	
216	V14.00289	Đổng Thị Ngọc Hải	01/08/92	Nữ	TSTD	4.50	8.00	12.50	12.50	
217	V14.00290	Hà Sơn Hải	28/07/91		TSTD	3.00	4.00	7.00	7.00	
218	V14.00291	Lê Hữu Hải	03/02/89		TSTD	0.00	5.00	5.00	5.00	
219	V14.00292	Lê Thị Hải	15/06/90	Nữ	Công ty IDT international	3.00	4.50	7.50	7.50	
220	V14.00294	Nguyễn Thị Hải	06/12/86	Nữ	CTCP Tư vấn và thiết kế kiến trúc VN	5.00	5.00	10.00	10.00	
221	V14.00295	Nguyễn Trác Hải	19/08/90		Doanh nghiệp tư nhân bao bì Bắc Thành	1.00	6.00	7.00	7.00	
222	V14.00297	Nguyễn Anh Hải	24/03/90		Công ty VinGroup	4.00	3.50	7.50	7.50	
223	V14.00298	Nguyễn Gia Hải	29/8/91		TSTD	7.00	5.00	12.00	12.00	
224	V14.00300	Trương Minh Hải	01/6/88	Nữ	TSTD	2.75	1.00	3.75	4.00	

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 9

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
225	V14.00301	Võ Thanh Hải	04/12/88		Ngân hàng VPBank HN	4.50	3.00	7.50	7.50	
226	V14.00302	Ngô Thúy Hào	22/07/79	Nữ	Ngân hàng Standard Chartered	7.00	5.00	12.00	12.00	
227	V14.00303	Nguyễn Minh Hào	23/08/92	Nữ	TSID	6.50	2.50	9.00	9.00	
228	V14.00304	Hoàng Thu Hạnh	14/02/85	Nữ	Tổng công ty điện lực dầu khí VN	7.00	5.50	12.50	12.50	
229	V14.00305	Khà Hồng Hạnh	25/10/87	Nữ	Công ty cổ phần Onesoft	1.50	2.50	4.00	4.00	
230	V14.00306	Lê Thị Bích Hạnh	14/06/88	Nữ	TSID	2.75	3.00	5.75	6.00	
231	V14.00307	Lê Thị Mỹ Hạnh	14/10/87	Nữ	CTCP đầu tư xây dựng & thương mại Nhật Hàng	3.00	3.00	6.00	6.00	
232	V14.00308	Lê Thị Hồng Hạnh	27/07/83	Nữ	Công ty TNHH Thiên Lương	4.00	1.00	5.00	5.00	
233	V14.00309	Nguyễn Mỹ Hạnh	03/07/91	Nữ	UBND phường Cầu Diễn	4.50	3.50	8.00	8.00	
234	V14.00310	Nguyễn Bích Hạnh	19/10/86	Nữ	TSID	8.00		8.00	8.00	
235	V14.00311	Phạm Thị Hạnh	18/10/89	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại dương	4.00	5.50	9.50	9.50	
236	V14.00312	Phạm Thị Hạnh	22/06/90	Nữ	UBND phường Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	3.00	3.50	6.50	6.50	
237	V14.00313	Tô Bích Hạnh	06/02/83	Nữ	TSID	2.50	6.00	8.50	8.50	
238	V14.00314	Tô Mỹ Hạnh	29/09/91	Nữ	UBND xã Tam Hiệp - Thanh trì - HN	3.50	5.50	9.00	9.00	
239	V14.00315	Nguyễn Thị Ngọc Hân	25/11/88	Nữ	Ngân hàng Ocean Bank	6.50	5.50	12.00	12.00	
240	V14.00316	Hàn Hữu Hậu	10/07/87		Ngân hàng NN và PT Nông thôn VN	7.00	5.50	12.50	12.50	
241	V14.00317	Lê Văn Hậu	10/02/86		CTCP Thương mại - Xây dựng Việt Nhật	4.00	1.50	5.50	5.50	
242	V14.00318	Linh Trần Hậu	20/05/90		TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
243	V14.00319	Phan Văn Hậu	17/08/88		TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
244	V14.00320	Bùi Thanh Hằng	29/06/92	Nữ	TSID	5.00	6.00	11.00	11.00	
245	V14.00322	Đào Thái Hằng	30/10/91	Nữ	TSID	2.50	4.50	7.00	7.00	
246	V14.00323	Đỗ Thu Hằng	01/12/81	Nữ	TSID	1.50	3.00	4.50	4.50	
247	V14.00327	Nguyễn Thu Hằng	01/08/86	Nữ	TSID	4.50	5.50	10.00	10.00	
248	V14.00328	Nguyễn Thị Hằng	14/12/87	Nữ	TSID	6.50	7.00	13.50	13.50	
249	V14.00329	Nguyễn Thanh Hằng	17/03/88	Nữ	Ngân hàng TMCP BIDV	6.00	4.00	10.00	10.00	
250	V14.00330	Nguyễn Thanh Hằng	27/11/80	Nữ	Cục Sở hữu trí tuệ	3.00	6.50	9.50	9.50	
251	V14.00331	Phạm Thị Thúy Hằng	25/01/76	Nữ	TSID	6.50		6.50	6.50	
252	V14.00332	Trần Thị Minh Hằng	22/08/86	Nữ	TSID	5.50	3.00	8.50	8.50	



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 10

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
253	V14.00333	Vũ Thu Hằng	03/7/92	Nữ	TSTD	3.50	5.50	9.00	9.00	
254	V14.00334	Dương Trọng Hiếu	08/08/88		Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh	7.00	5.50	12.50	12.50	
255	V14.00335	Đào Trung Hiếu	29/05/89		TSTD	6.50	3.00	9.50	9.50	
256	V14.00337	Lương Quang Hiếu	02/03/91		TSTD	6.00	1.00	7.00	7.00	
257	V14.00339	Nguyễn Minh Hiếu	05/12/91		TSTD	3.00	2.00	5.00	5.00	
258	V14.00340	Nguyễn Trung Hiếu	10/02/84		TSTD	7.00	4.00	11.00	11.00	
259	V14.00341	Nguyễn Trung Hiếu	12/12/92		TSTD	6.50	4.50	11.00	11.00	
260	V14.00342	Nguyễn Vinh Hiếu	20/03/89		Tổng công ty Bảo Việt nhân thọ	7.50	3.00	10.50	10.50	
261	V14.00343	Trần Trung Hiếu	01/12/91		Cục quản lý thị trường, Bộ Công thương	8.00	6.00	14.00	14.00	
262	V14.00344	Trần Thị Hiền	13/06/88	Nữ	Viện kiểm sát ND Tối cao	4.00	.	4.00	4.00	
263	V14.00345	Vũ Bá Hiền	12/02/90		TSTD	3.00	4.50	7.50	7.50	
264	V14.00346	Đào Đức Hiệp	27/03/89		TSTD	3.00	4.00	7.00	7.00	
265	V14.00347	Lê Quốc Hiệp	06/08/89		Tổng công ty VNPT - Vinaphone	2.75	2.00	4.75	5.00	
266	V14.00348	Nguyễn Huy Hiệp	03/11/91		CTCP viễn thông FPT	2.50	4.00	6.50	6.50	
267	V14.00349	Nguyễn Hoàng Hiệp	09/02/88		Ngân hàng TMCP Quân đội	1.50	3.50	5.00	5.00	
268	V14.00350	Nguyễn Đức Hiệp	25/10/88		Công ty viễn thông GTTEL	7.50	4.00	11.50	11.50	
269	V14.00351	Phạm Đức Hiệp	07/09/86		Sư đoàn 395 quân 3	7.50	5.00	12.50	12.50	
270	V14.00352	Dương Xuân Hiền	08/08/91		TSTD	6.50	4.00	10.50	10.50	
271	V14.00353	Dương Trọng Hiền	25/04/91		Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh	3.50	2.00	5.50	5.50	
272	V14.00354	Đoàn Thị Khánh Hiền	12/03/91	Nữ	CTCP đào tạo Universe	4.00	1.00	5.00	5.00	
273	V14.00355	Hoàng Thị Hiền	16/07/82	Nữ	Ngân hàng TMCP Quân đội	5.00	.	5.00	5.00	
274	V14.00356	Nguyễn Thị Thu Hiền	12/09/91	Nữ	CTCP trắc địa bản đồ Đại Thành	7.25	3.50	10.75	11.00	
275	V14.00357	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/08/92	Nữ	UBND xã Ninh Hiệp	2.50	2.00	4.50	4.50	
276	V14.00358	Nguyễn Thu Hiền	13/09/92	Nữ	Trung tâm thông tin - Bộ Xây dựng	4.50	2.00	6.50	6.50	
277	V14.00359	Nguyễn Thị Hiền	30/07/92	Nữ	CY Cardalab - Black hank Việt Nam	7.50	5.50	13.00	13.00	
278	V14.00360	Nguyễn Thế Hình	12/05/86		Viện kiểm sát quân sự thủ đô HN	4.00	3.50	7.50	7.50	
279	V14.00361	Chu Lan Hoa	31/03/85	Nữ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.00	3.50	6.50	6.50	
280	V14.00362	Đàm Thị Hoa	27/02/91	Nữ	UBND phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, HN	3.50	5.00	8.50	8.50	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 11

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
281	V14.00363	Đào Phương Hoa	15/07/90	Nữ	TSTD	3.00	5.00	8.00	8.00	
282	V14.00364	Đỗ Thị Như Hoa	21/03/91	Nữ	TSTD	4.00	3.50	7.50	7.50	
283	V14.00368	Nguyễn Thị Hoa	20/02/92	Nữ	TSTD	6.00	3.00	9.00	9.00	
284	V14.00369	Nguyễn Phương Hoa	22/12/92	Nữ	TSTD	3.50	3.50	7.00	7.00	
285	V14.00370	Nguyễn Thị Hoa	25/11/89	Nữ	TSTD	3.00	3.50	6.50	6.50	
286	V14.00371	Phạm Mai Hoa	25/07/86	Nữ	TSTD	4.50	4.50	9.00	9.00	
287	V14.00372	Trần Thị Hoa	02/11/88	Nữ	UBND phường Phúc Đồng-Long Biên	2.50	5.00	7.50	7.50	
288	V14.00374	Vũ Thị Hoa	22/10/83	Nữ	Trường chính trị tỉnh Thái Bình	7.50	6.00	13.50	13.50	
289	V14.00375	Nguyễn Thị Thu Hoài	24/08/85	Nữ	CT TNHH Fasco	3.00	5.00	8.00	8.00	
290	V14.00376	Dương Xuân Hoàng	15/10/88		TSTD	3.00	.	3.00	3.00	
291	V14.00377	Lại Quốc Hoàng	03/03/87		TSTD	2.50	6.50	9.00	9.00	
292	V14.00379	Ngô Đức Hoàng	16/05/81		CTCP FTI	5.50	.	5.50	5.50	
293	V14.00380	Nguyễn Trọng Hoàng	04/05/89		Hợp tác xã Việt Nam	3.00	.	3.00	3.00	
294	V14.00381	Nguyễn Anh Hoàng	04/05/92		TSTD	2.50	5.00	7.50	7.50	
295	V14.00383	Phạm Văn Hoàng	27/01/85		Công ty TNHH CTH	3.00	4.00	7.00	7.00	
296	V14.00384	Trần Quốc Hoàng	04/06/92		TSTD	2.50	1.00	3.50	3.50	
297	V14.00385	Trần Huy Hoàng	19/9/82		TSTD	4.00	3.50	7.50	7.50	VP&C
298	V14.00386	Vũ Hoàng	02/11/91		CTTNHHTM&ĐTKT Môi trường	3.00	3.00	6.00	6.00	
299	V14.00387	Vũ Mạnh Hoàng	11/06/91		Văn phòng HĐND&UBND TP Thái Bình	3.00	4.00	7.00	7.00	
300	V14.00388	Lý Đức Hoàng	10/08/84		TSTD	6.50	3.00	9.50	9.50	
301	V14.00389	Lê Hoàn	15/05/90		Tổng CT Bảo việt nhân thọ	6.00	1.50	7.50	7.50	
302	V14.00390	Phạm Văn Hoạch	27/03/91		Công ty Kiến trúc và thương mại Việt nam	4.00	3.00	7.00	7.00	
303	V14.00391	Bùi Phùng Khánh Hòa	07/10/90	Nữ	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội	8.50	4.50	13.00	13.00	
304	V14.00392	Bùi Thanh Hòa	15/10/87	Nữ	Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình	6.50	5.00	11.50	11.50	
305	V14.00393	Hồ Văn Hòa	01/01/72		UBND quận Từ Liêm	3.00	5.00	8.00	8.00	
306	V14.00395	Ngô Văn Hòa	21/10/90		TSTD	3.00	3.50	6.50	6.50	
307	V14.00396	Nguyễn Công Hòa	12/03/91		TSTD	4.00	5.00	9.00	9.00	
308	V14.00398	Phan Ngọc Hòa	21/06/81		CTCP đầu tư TM dịch vụ ô tô AMG	4.50	3.00	7.50	7.50	



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 12

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
309	V14.00399	Phan Ngọc Hòa	29/07/84		TSTD	2.00	3.50	5.50	5.50	
310	V14.00401	Trần Thị Hòa	21/12/83	Nữ	CT Luật TNHH VMF	2.50	5.00	7.50	7.50	
311	V14.00402	Bùi Văn Học	23/02/84		Ngân hàng quân đội	4.50	6.00	10.50	10.50	
312	V14.00403	Lê Thị Kim Hồng	09/07/90	Nữ	TSTD	7.50	4.50	12.00	12.00	
313	V14.00404	Lê Thu Hồng	22/07/90	Nữ	TSTD	5.00	5.00	10.00	10.00	
314	V14.00405	Lương Thị Hồng	22/12/91	Nữ	TSTD	4.00	4.00	8.00	8.00	
315	V14.00406	Ngô Thị Hồng	07/05/81	Nữ	UBND Huyện Hoài Đức	3.00	3.00	6.00	6.00	
316	V14.00407	Nguyễn Thị Bích Hồng	01/01/84	Nữ	Thông tấn xã Việt Nam	2.50	3.00	5.50	5.50	
317	V14.00408	Nguyễn Công Hồ	10/06/80		Đài tiếng nói Việt Nam	2.00		2.00	2.00	
318	V14.00409	Vũ Bảo Hồng	01/11/91	Nữ	TT nghiên cứu chính sách phòng chống chấn thương	5.50	4.00	9.50	9.50	
319	V14.00410	Lê Văn Hợp	30/03/80		Viện kiểm sát nhân dân tối cao	4.00	3.00	7.00	7.00	
320	V14.00411	Trần Văn Huấn	12/05/88		TSTD	2.50	4.50	7.00	7.00	
321	V14.00412	Nguyễn Thu Huệ	22/08/89	Nữ	Công ty TNHH tư vấn đầu tư dịch vụ TC&KT Tân	4.00	3.50	7.50	7.50	
322	V14.00413	Đào Thị Huệ	04/11/90	Nữ	Trường ĐH Luật Hà Nội	3.50	7.50	11.00	11.00	
323	V14.00414	Hoàng Thị Huệ	05/01/88	Nữ	TSTD	3.50	1.00	4.50	4.50	
324	V14.00415	Mã Minh Huệ	06/02/89	Nữ	UBND phường Khương Thượng, Đống Đa, HN	3.50	3.00	6.50	6.50	
325	V14.00416	Nguyễn Thị Huệ	24/08/89	Nữ	Trường ĐH Luật HN	3.00	5.00	8.00	8.00	
326	V14.00417	Trịnh Thị Huệ	18/10/91	Nữ	Công ty TNHH tư vấn Gia pháp HN	3.50	5.50	9.00	9.00	
327	V14.00419	Đỗ Văn Huy	16/04/87		Ngân hàng TMCP Đông Nam á	4.00	2.00	6.00	6.00	
328	V14.00420	Hoàng Văn Huy	24/04/82		TSTD	3.50	4.00	7.50	7.50	
329	V14.00421	Lê Khánh Huy	19/02/92		TSTD	7.50	3.00	10.50	10.50	
330	V14.00422	Lưu Quang Huy	02/07/89		Bộ Tư lệnh CSB3	6.00	6.00	12.00	12.00	
331	V14.00423	Ngô Quang Huy	30/12/87		UBND Phường Mỹ Đình 1	3.00	7.00	10.00	10.00	
332	V14.00424	Nguyễn Thành Huy	05/06/87		Ngân hàng TMCP ngoại thương VN	6.00	4.00	10.00	10.00	
333	V14.00425	Nguyễn Quang Huy	08/12/92		Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY ACA	2.00	2.50	4.50	4.50	
334	V14.00426	Đàm Thị Thu Huyền	06/07/84	Nữ	Đảng ủy khối công nghiệp HN	6.00	1.00	7.00	7.00	
335	V14.00427	Đỗ Thị Bích Huyền	17/10/86	Nữ	Ủy ban nhân dân Tam Hiệp- Thanh Trì	8.00	2.50	10.50	10.50	
336	V14.00428	Lê Thị Thanh Huyền	05/07/89	Nữ	TSTD	4.00	3.00	7.00	7.00	



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 13

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
337	★ V14.00429	Lưu Thị Huyền	01/08/91	Nữ	UBND phường Cầu Diễn	3.50	4.50	8.00	8.00	
338	V14.00430	Ma Thị Thu Huyền	14/08/83	Nữ	TSID	4.50	3.00	7.50	7.50	
339	V14.00431	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/05/89	Nữ	TSID	2.50	6.00	8.50	8.50	
340	V14.00432	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/01/92	Nữ	TSID	2.50	2.00	4.50	4.50	
341	V14.00433	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/11/80	Nữ	Văn phòng Bộ tư pháp	5.00	3.00	8.00	8.00	
342	V14.00434	Nguyễn Thị Huyền	03/08/80	Nữ	UBND phường Hàng Mã, Quận Hoàn kiếm, HN	4.50	3.00	7.50	7.50	
343	V14.00435	Nguyễn Thanh Huyền	07/05/90	Nữ	Tập đoàn Lotte VN	3.00	2.50	5.50	5.50	VPQC
344	V14.00436	Nguyễn Thị Huyền	09/03/89	Nữ	TSID	3.00	1.50	4.50	4.50	
345	V14.00437	Nguyễn Hoàng Huyền	16/04/89	Nữ	Cục báo chí Bộ Thông tin và truyền thông	3.00	2.00	5.00	5.00	
346	V14.00438	Phan Thanh Huyền	31/07/90		TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
347	V14.00439	Phạm Thị Thu Huyền	08/06/90	Nữ	TSID	3.50	3.00	6.50	6.50	
348	V14.00440	Trịnh Thị Thanh Huyền	10/08/90	Nữ	Đội thanh tra xây dựng Chương Mỹ	4.00	1.00	5.00	5.00	
349	V14.00441	Vũ Thị Huyền	19/03/88	Nữ	CTCP may và thương mại Kim Sơn	3.50	6.50	10.00	10.00	
350	V14.00442	Phạm Quốc Huy	06/01/92		TSID	7.50	5.00	12.50	12.50	
351	V14.00444	Trần Đăng Huy	14/09/88		Đoàn Thanh niên phường Tây Mỗ - Từ Liêm	4.00	4.00	8.00	8.00	
352	V14.00445	Lã Quốc Huynh	10/04/84		TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
353	V14.00447	Dương Văn Hùng	04/12/83		VKSND tỉnh Bắc Ninh	2.50	4.00	6.50	6.50	
354	V14.00448	Đỗ Văn Hùng	18/05/88		TSID	4.00	2.50	6.50	6.50	
355	V14.00449	Hà Quang Hùng	25/01/87		Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Tuyền Quang	4.00	5.00	9.00	9.00	
356	V14.00450	Lê Huy Hùng	08/10/84		TSID	2.50	4.00	6.50	6.50	
357	V14.00451	Nguyễn Mạnh Hùng	02/08/88		TSID	6.50	4.50	11.00	11.00	
358	V14.00452	Nguyễn Văn Hùng	04/08/89		Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	3.50	1.00	4.50	4.50	
359	V14.00453	Nguyễn Trần Hùng	13/11/92		CTHHNN Kiểm toán Đông á	3.00	3.50	6.50	6.50	
360	V14.00454	Nguyễn Thế Hùng	23/03/88		TSID	5.00	5.50	10.50	10.50	
361	V14.00455	Nguyễn Đức Hùng	25/11/89		Báo Giao thông	4.00	3.50	7.50	7.50	
362	V14.00456	Phạm Quang Hùng	15/10/85		QUân chủng Hải quân	7.50	5.00	12.50	12.50	
363	V14.00457	Phạm Mạnh Hùng	27/07/88		TT Phần mềm viễn thông Viettel	1.50	1.50	3.00	3.00	VPQC
364	V14.00458	Quách Minh Hùng	04/02/87		Ban quản lý dự án quận Đống Đa	4.00	6.00	10.00	10.00	



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 14

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLH ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
365	V14.00459	Trần Việt Hùng	17/02/90		TSID	3.00	3.50	6.50	6.50	
366	V14.00460	Triệu Mạnh Hùng	11/11/82		VKS Quân sự Quân khu I	7.00	7.00	14.00	14.00	
367	V14.00461	Vũ Huy Hùng	01/07/81		TSID	3.00	4.50	7.50	7.50	
368	V14.00462	Vũ Mạnh Hùng	19/06/86		CT TNHH Văn hóa sáng tạo Trí Việt	4.00	3.00	7.00	7.00	
369	V14.00463	Đào Vũ Hưng	26/10/91		Thời báo kinh tế Việt Nam	3.00	4.00	7.00	7.00	
370	V14.00464	Hà Minh Hưng	29/10/85		Viện kiểm sát nhân dân tối cao	3.00	5.00	8.00	8.00	
371	V14.00465	Hoàng Tiến Hưng	30/09/90		TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
372	V14.00466	Lê Trung Hưng	26/11/91		CTCP đầu tư và xây dựng Hoa Việt	7.00	4.00	11.00	11.00	
373	V14.00467	Nguyễn Duy Hưng	09/11/84		Bộ Công an	5.00	5.50	10.50	10.50	
374	V14.00469	Nguyễn Văn Hưng	25/10/90		CTCP Chứng nhận và Giám định VinaCert	2.00	3.00	5.00	5.00	
375	V14.00470	Triệu Việt Hưng	09/06/87		Bộ Kế hoạch và đầu tư	3.00	3.50	6.50	6.50	
376	V14.00471	Vũ Duy Hưng	07/12/89		UBND phường Cầu Diễn	4.00	6.00	10.00	10.00	
377	V14.00472	Dương Thị Thu Hương	14/10/86	Nữ	Viettel Telecom	2.50	2.00	4.50	4.50	
378	V14.00473	Đào Thu Hương	23/10/91	Nữ	CT TNHH Dịch vụ du lịch TSC	1.50	7.00	8.50	8.50	
379	V14.00475	Hoàng Thu Hương	08/12/81	Nữ	CTCP Công nghệ Việt CNV	3.00	3.00	6.00	6.00	
380	V14.00476	Hoàng Thị Hương	09/02/90	Nữ	UBND xã Dương Hà - HN	3.00	4.00	7.00	7.00	
381	V14.00477	Lê Thị Thanh Hương	23/09/87	Nữ	TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
382	V14.00478	Lưu Thị Thanh Hương	29/04/86	Nữ	TSID	7.00	3.00	10.00	10.00	
383	V14.00480	Nguyễn Thị Thanh Hương	11/12/90	Nữ	Chi cục quản lý thị trường HN	4.00	5.50	9.50	9.50	
384	V14.00481	Nguyễn Thị Thu Hương	24/08/89	Nữ	CT TNHH Bảo Hưng	4.00	4.50	8.50	8.50	
385	V14.00482	Nguyễn Thị Thu Hương	22/12/86	Nữ	Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn	3.50	5.00	8.50	8.50	
386	V14.00483	Nguyễn Thị Thu Hương	21/8 /76	Nữ	TSID	2.50	2.50	5.00	5.00	
387	V14.00484	Nguyễn Thanh Hương	06/09/89	Nữ	TSID	2.00	3.00	5.00	5.00	
388	V14.00485	Nguyễn Thị Hương	06/04/89	Nữ	CT TNHH KOVINA	3.50	2.00	5.50	5.50	
389	V14.00486	Nguyễn Lan Hương	14/05/93	Nữ	TSID	5.00	5.50	10.50	10.50	
390	V14.00487	Nguyễn Diệu Hương	22/01/92	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
391	V14.00489	Nguyễn Thu Hương	22/06/85	Nữ	Công ty phát triển nguồn nhân lực DELOITTE	3.50	5.00	8.50	8.50	
392	V14.00490	Phạm Thị Thanh Hương	20/09/87	Nữ	Ngân hàng Nông nghiệp và PT chi nhánh Trung Yên	2.50	6.50	9.00	9.00	

13



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 15

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
393	V14.00492	Chu Thị Thu	Hường	02/07/90	Nữ	Ngân hàng VPBank	3.50	5.00	8.50	8.50	
394	V14.00495	Nguyễn Phạm Thu	Hường	12/01/90	Nữ	Ngân hàng Vietcombank	0.50	.	0.50	0.50	
395	V14.00496	Nguyễn Thị	Hường	09/11/90	Nữ	TSID	7.00	4.00	11.00	11.00	
396	V14.00498	Trịnh Thị Bích	Hường	19/10/88	Nữ	CT công nghệ Sao Bắc Đẩu	4.00	5.50	9.50	9.50	
397	V14.00499	Vũ Quang	Hường	04/11/91		TSID	5.00	6.50	11.50	11.50	
398	V14.00500	Vũ Thị	Hứa	04/07/88	Nữ	TSID	4.00	4.00	8.00	8.00	
399	V14.00501	Phạm Viết	Hữu	25/12/78		Cục kiểm soát thủ tục hành chính Bộ Tư pháp	3.50	3.50	7.00	7.00	
400	V14.00502	Trần Viết	Hữu	13/12/89		TSID	3.50	4.00	7.50	7.50	
401	V14.00503	Trần Vinh	Khang	24/12/88		Ngân hàng TMCP Quân đội	7.00	5.50	12.50	12.50	
402	V14.00504	Đào Thị Vân	Khánh	01/12/81	Nữ	Công ty TNHH An Quý Hưng	6.50	6.00	12.50	12.50	
403	V14.00505	Nguyễn Tài	Khánh	06/08/85		TSID	4.00	5.00	9.00	9.00	
404	V14.00506	Nguyễn Tùng	Khánh	22/05/90		CTCP Địa kỹ thuật Việt Nam	2.50	5.50	8.00	8.00	
405	V14.00508	Phan Đăng	Khánh	25/02/91		TSID	3.50	3.00	6.50	6.50	
406	V14.00510	Nguyễn Trọng	Khải	12/02/89		TSID	6.50	5.00	11.50	11.50	
407	V14.00511	Phạm Văn	Khải	18/11/87		TSID	6.00	6.00	12.00	12.00	
408	V14.00512	Nguyễn Thanh	Khiêm	16/11/84		CTCP Chứng khoán bảo việt	4.00	1.50	5.50	5.50	
409	V14.00513	Phạm Văn	Khiêm	10/11/85		TSID	5.00	3.50	8.50	8.50	
410	V14.00514	Đỗ Đăng	Khoa	13/12/86		Ngân hàng Agribank	4.50	3.00	7.50	7.50	
411	V14.00515	Nguyễn Đăng	Khoa	23/03/87		CTNNHH Phát triển thương mại và dịch vụ Song Phát	8.00	3.00	11.00	11.00	
412	V14.00517	Nguyễn Mạnh	Khôi	15/12/85		TSID	2.50	4.50	7.00	7.00	
413	V14.00518	Trương Đình	Khuê	25/06/92		Học viện chính trị công an nhân dân	3.50	5.00	8.50	8.50	
414	V14.00519	Trần Văn	Khuông	24/06/90		Lữ Đoàn 147	6.00	5.00	11.00	11.00	
415	V14.00520	Đào Văn	Kiên	11/12/89		TSID	3.50	1.00	4.50	4.50	
416	V14.00521	Đinh Văn	Kiên	22/12/79		TSID	0.00	2.50	2.50	2.50	
417	V14.00522	Nguyễn Thanh	Kiên	03/02/88		Văn phòng công chứng Hậu Lộc	4.50	5.50	10.00	10.00	
418	V14.00523	Nguyễn Trí	Kiên	11/09/80		TSID	4.00	5.00	9.00	9.00	
419	V14.00524	Nguyễn Văn	Kiên	12/01/85		Công ty cổ phần ICT Thanh Bình	2.00	4.00	6.00	6.00	
420	V14.00526	Phạm Trung	Kiên	10/05/90		VP Công chứng Phú An - HN	4.00	3.00	7.00	7.00	

Handwritten signature



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 16

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
421	* V14.00527	Tạ Đăng Kiên	15/03/86		UBND Quận Nam Từ Liêm - HN	1.00	7.00	8.00	8.00	
422	V14.00528	Vũ Trung Kiên	25/12/82		Trung tâm mạng lưới miền Bắc - Mobifone	2.50	2.00	4.50	4.50	
423	V14.00529	Lê Văn Kỳ	14/05/87		Tổng công ty bảo việt nhân thọ	4.00	4.50	8.50	8.50	
424	V14.00530	Đoàn Thị Mỹ Lai	02/04/90	Nữ	Công ty TNHH MTV Quản lý KD BĐS Hà ĐỒ	2.50	3.50	6.00	6.00	
425	V14.00531	Lê Thị Hải Lam	14/08/84	Nữ	TSID	2.00	4.50	6.50	6.50	
426	V14.00534	Chu Thị Ngọc Lan	08/09/89	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
427	V14.00537	Nguyễn Thị Ngọc Lan	27/06/92	Nữ	TSID	3.00	2.00	5.00	5.00	
428	V14.00538	Nguyễn Thị Ngọc Lan	14/06/84	Nữ	TSID	3.50	2.50	6.00	6.00	
429	V14.00539	Nguyễn Thị Lan	01/04/92	Nữ	TSID	2.00	2.00	4.00	4.00	
430	V14.00540	Nguyễn Hương Lan	11/08/92	Nữ	TSID	3.50	3.00	6.50	6.50	
431	V14.00541	Nguyễn Thị Lan	30/7 /89	Nữ	Công ty FPT	3.50	4.50	8.00	8.00	
432	V14.00542	Phạm Thị Tuyết Lan	02/03/87	Nữ	ĐH Chu Văn An - Hưng Yên	4.50	4.00	8.50	8.50	
433	V14.00543	Phạm Thị Hương Lan	15/07/80	Nữ	Kiểm toán nhà nước - Cầu Giấy	4.00	5.50	9.50	9.50	
434	V14.00545	Tạ Thị Lan	05/10/91	Nữ	Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng	3.50	3.50	7.00	7.00	
435	V14.00546	Trần Hồng Lan	26/08/84	Nữ	UBND phường Đồng Xuân - HN	2.50	2.00	4.50	4.50	
436	V14.00547	Mai Thành Lâm	21/10/83		Tập đoàn thanh khoáng sản VN	6.50	2.00	8.50	8.50	
437	V14.00548	Nguyễn Hồ Mạnh Lâm	22/10/86		TSID	6.50	5.50	12.00	12.00	
438	V14.00549	Nguyễn Tường Lâm	08/09/84		TSID	4.00	3.00	7.00	7.00	
439	V14.00550	Nguyễn Tiến Lâm	12/04/88		Ngân hàng TMCPĐT&PT Hải Dương	1.50	5.00	6.50	6.50	
440	V14.00551	Nguyễn Việt Lâm	17/07/92		TSID	2.50	4.00	6.50	6.50	
441	V14.00553	Nguyễn Thị Lê	15/07/92	Nữ	Ngân hàng TMCP VP bank	5.00	7.00	12.00	12.00	
442	V14.00554	Nguyễn Hoàng Lê	21/08/85	Nữ	TSID	2.00	1.50	3.50	3.50	
443	V14.00556	Lê Thị Kim Liên	24/07/90	Nữ	TSID	7.00	4.50	11.50	11.50	
444	V14.00557	Nguyễn Thị Liên	27/04/83	Nữ	Trung tâm thông tin Bộ nội vụ	2.50	4.50	7.00	7.00	
445	V14.00558	Trần Hồng Liên	19/10/92	Nữ	TSID	5.50	6.00	11.50	11.50	
446	V14.00559	Bùi Thị Nhật Linh	29/06/88	Nữ	Chi cục thuế Quận Ba Đình	6.00	3.00	9.00	9.00	
447	V14.00560	Bùi Hoàng Linh	07/01/85	Nữ	Ngân hàng Vietcombank	3.50	.	3.50	3.50	
448	V14.00561	Dương Nhật Linh	15/09/91		TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	

Handwritten signature



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 17

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
449	V14.00562	Đỗ Đăng Linh	10/06/90		TSTD	3.00	4.00	7.00	7.00	
450	V14.00563	Đỗ Thị Linh	16/10/86	Nữ	Công ty CP Kiến Trúc và Thương mại Việt Nam	4.00	2.00	6.00	6.00	
451	V14.00564	Hoàng Mạnh Linh	06/12/86		Cục quản lý nhà và thị trường bất động sản	3.00	3.00	6.00	6.00	
452	V14.00565	Hoàng Thùy Linh	19/12/83	Nữ	TSTD	7.00	6.50	13.50	13.50	
453	V14.00566	Lê Hồng Linh	20/04/92	Nữ	CT TNHH TMDV & KT Nguyễn Khang	3.00	4.50	7.50	7.50	
454	V14.00567	Lê Thùy Linh	21/12/91	Nữ	TSTD	3.00	4.00	7.00	7.00	
455	V14.00568	Nguyễn Thị Hải Linh	15/08/85	Nữ	TSTD	0.00	4.50	4.50	4.50	
456	V14.00569	Nguyễn Thị Phương Linh	29/06/92	Nữ	Công ty bảo hiểm Great Eastern	7.00	4.00	11.00	11.00	
457	V14.00572	Nguyễn Thị Thảo Linh	31/01/93	Nữ	TSTD	3.00	5.50	8.50	8.50	
458	V14.00573	Nguyễn Văn Linh	03/09/90		TSTD	2.00	4.50	6.50	6.50	
459	V14.00574	Nguyễn Thùy Linh	04/02/92	Nữ	TSTD	4.50	2.50	7.00	7.00	
460	V14.00575	Nguyễn Ngọc Linh	04/07/81	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	7.00	4.00	11.00	11.00	
461	V14.00576	Nguyễn Ngọc Linh	06/10/87	Nữ	Ngân hàng Liên Việt	0.50	5.00	5.50	5.50	
462	V14.00577	Nguyễn Thị Linh	15/09/84	Nữ	CTCP Chứng khoán Đức Dương	6.00	7.00	13.00	13.00	
463	V14.00579	Nguyễn Trọng Linh	26/10/90		TSTD	5.50	3.00	8.50	8.50	
464	V14.00580	Nguyễn Hùng Linh	29/01/89		TSTD	3.00	7.00	10.00	10.00	
465	V14.00582	Phạm Thị Linh	16/10/89	Nữ	TSTD	3.00	4.50	7.50	7.50	
466	V14.00584	Phạm Diễm Linh	20/07/83	Nữ	Ngân hàng TMCP phát triển tp Hồ Chí Minh	3.00	2.00	5.00	5.00	
467	V14.00585	Trần Tuyết Linh	10/06/89	Nữ	TSTD	4.50	4.50	9.00	9.00	
468	V14.00586	Trần Vương Linh	22/09/85	Nữ	TSTD	2.50	1.00	3.50	3.50	
469	V14.00587	Trần Hồng Linh	26/04/89		TSTD	3.00	4.00	7.00	7.00	
470	V14.00588	Trịnh Đăng Linh	24/04/86		Công ty TNHH xăng dầu Minh Dũng	3.50	3.50	7.00	7.00	
471	V14.00591	Vương Khánh Linh	12/01/94	Nữ	TSTD	3.00	6.00	9.00	9.00	
472	V14.00592	Lê Thiết Linh	03/10/84		Sở NN&PTNT Hà Nội	3.50	4.00	7.50	7.50	
473	V14.00594	Lưu Thanh Loan	14/09/90	Nữ	TSTD	5.50	3.00	8.50	8.50	
474	V14.00595	Nguyễn Thị Bảo Loan	16/10/87	Nữ	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - HN	3.50	3.00	6.50	6.50	
475	V14.00596	Nguyễn Thị Mỹ Loan	04/05/85	Nữ	TSTD	8.00	4.00	12.00	12.00	
476	V14.00597	Nguyễn Thị Loan	12/05/86	Nữ	UBND huyện Hoài Đức - HN	3.50	4.00	7.50	7.50	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 18

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
477	* V14.00598	Thái Thị Loan	10/07/90	Nữ	VP Công chứng Đông Triều - QN	3.00	5.00	8.00	8.00	
478	V14.00599	Trần Mai Loan	07/03/83	Nữ	Công ty TNHH ASia	7.00	2.00	9.00	9.00	
479	V14.00602	Cao Hoàng Long	30/04/91		UBND phường Cầu Diễn	3.50	5.50	9.00	9.00	
480	V14.00603	Đỗ Xuân Long	02/08/82		Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.00	3.00	6.00	6.00	
481	V14.00604	Hoàng Phước Long	25/04/92		TSID	6.50	5.50	12.00	12.00	
482	V14.00605	Ma Thị Long	20/08/92	Nữ	CT TNHH Đầu tư và phát triển y tế Vạn Minh	2.50	4.50	7.00	7.00	
483	V14.00606	Nguyễn Đăng Vũ Long	29/01/76		CT TNHH Quốc tế D & N	3.50	4.00	7.50	7.50	
484	V14.00607	Nguyễn Văn Long	06/10/86		TSID	3.00	3.50	6.50	6.50	
485	V14.00609	Phạm Nhật Long	10/08/87		VKS Quân sự Thủ đô Hà Nội	3.50	4.50	8.00	8.00	
486	V14.00611	Phạm Hải Long	25/06/88		TSID	3.50	3.50	7.00	7.00	
487	V14.00612	Trần Trung Long	08/06/88		TSID	7.00	5.50	12.50	12.50	
488	V14.00613	Triệu Hải Long	07/03/88		Tạp chí Kiểm sát	4.50	3.50	8.00	8.00	
489	V14.00614	Đỗ Quang Lộc	03/10/87		Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.00	3.00	6.00	6.00	
490	V14.00616	Tô Văn Lộc	08/07/87		TSID	2.50	2.00	4.50	4.50	
491	V14.00617	Bùi Quang Lợi	29/03/85		Công ty TNHH CTH	3.00	5.00	8.00	8.00	
492	V14.00618	Đặng Văn Lợi	09/09/91		TSID	6.00	6.00	12.00	12.00	
493	V14.00619	Lê Tất Lợi	12/09/89		CTCP CEN-GROUP	3.50	2.50	6.00	6.00	
494	V14.00620	Đặng Trần Luân	28/09/88		Ủy ban kiểm tra Quận ủy Đống Đa - HN	2.50	.	2.50	2.50	
495	V14.00621	Đỗ Văn Luân	09/10/88		TSID	7.50	4.00	11.50	11.50	
496	V14.00622	Lý Văn Luyến	06/04/89		TSID	5.00	3.00	8.00	8.00	
497	V14.00623	Nguyễn Thị Luyến	02/09/85	Nữ	TSID	6.50	4.50	11.00	11.00	
498	V14.00625	Phạm Hữu Lực	23/06/90		TSID	2.50	3.50	6.00	6.00	
499	V14.00626	Hồ Hương Ly	25/08/89	Nữ	Ngân hàng TMCP đại chúng VN	4.50	3.50	8.00	8.00	
500	V14.00627	Nguyễn Thị Khánh Ly	18/12/90	Nữ	TSID	2.50	5.00	7.50	7.50	
501	V14.00628	Nguyễn Thị Hà Ly	17/08/88	Nữ	Bảo bảo vệ pháp luật	3.50	3.00	6.50	6.50	
502	V14.00630	Dương Thị Thanh Mai	26/12/75	Nữ	UBND quận Đống Đa	2.50	3.50	6.00	6.00	
503	V14.00631	Đổng Thị Ngọc Mai	02/09/89	Nữ	UBND phường Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	6.00	4.00	10.00	10.00	
504	V14.00632	Lê Thị Mai	05/08/83	Nữ	NH TMCP VN Thịnh vượng	7.50	5.00	12.50	12.50	



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 19

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
505	V14.00633	Lương Quỳnh Mai	02/08/92	Nữ	TSTD	8.50	3.50	12.00	12.00	
506	V14.00635	Nguyễn Thị Thanh Mai	16/08/86	Nữ	Đại học Điện lực	7.00	4.50	11.50	11.50	
507	V14.00636	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	02/11/89	Nữ	TSTD	3.50	5.50	9.00	9.00	
508	V14.00638	Nguyễn Phương Mai	30/07/92	Nữ	TSTD	8.00	3.50	11.50	11.50	
509	V14.00639	Phạm Thị Ngọc Mai	28/12/91	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	8.00	3.00	11.00	11.00	
510	V14.00640	Trần Tố Mai	13/09/85	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại Chúng	7.25	4.50	11.75	12.00	
511	V14.00641	Vũ Thị Ngọc Mai	13/11/88	Nữ	TSTD	5.00	5.50	10.50	10.50	
512	V14.00642	Lê Vương Mão	03/02/87		UBND xã Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	5.00	5.00	10.00	10.00	
513	V14.00644	Ngô Tiến Mạnh	25/10/88		Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng	3.00	4.50	7.50	7.50	
514	V14.00646	Phí Văn Mạnh	17/07/79		VKSND Tối cao	5.50	3.00	8.50	8.50	
515	V14.00647	Nguyễn Thị Mi Mi	11/11/90	Nữ	Ngân hàng TMCP Bắc á	5.50	4.00	9.50	9.50	
516	V14.00648	Đào Duy Minh	26/09/92		TSTD	3.50	3.00	6.50	6.50	
517	V14.00649	Khổng Vũ Tuấn Minh	10/08/84		Ngân hàng Quân đội	2.00	4.50	6.50	6.50	
518	V14.00650	Lê Duy Minh	04/05/89		Chi Cục thuế TP Cẩm Phả	7.50	5.50	13.00	13.00	
519	V14.00651	Lê Bình Minh	12/03/91		TSTD	5.00	6.00	11.00	11.00	
520	V14.00652	Nguyễn Hồng Minh	01/07/89		Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội	2.50	2.50	5.00	5.00	
521	V14.00654	Nguyễn Đức Minh	09/11/87		TSTD	3.00	4.00	7.00	7.00	
522	V14.00655	Nguyễn Duy Minh	10/10/91		NII TNHH MTVANZ	3.00	3.50	6.50	6.50	
523	V14.00656	Nguyễn Quang Minh	11/10/92		TSTD	5.50	4.50	10.00	10.00	
524	V14.00658	Nguyễn Quang Minh	24/12/93		TSTD	3.00	3.00	6.00	6.00	
525	V14.00659	Nguyễn Huy Minh	26/04/89		Huyện Đoàn Gia Lâm, Hà Nội	4.50	3.00	7.50	7.50	
526	V14.00661	Nguyễn Đức Minh	31/12/91		TSTD	4.00	6.00	10.00	10.00	
527	V14.00663	Vũ Ngọc Minh	03/11/85		CTCP xây dựng thương mại tổng hợp Hồng Hà	5.00	5.00	10.00	10.00	
528	V14.00664	Vũ Nguyệt Minh	20/10/84	Nữ	TSTD	4.00	7.00	11.00	11.00	
529	V14.00666	Nguyễn Thùy My	20/09/91	Nữ	Ngân hàng Tiên Phong	4.50	5.50	10.00	10.00	
530	V14.00667	Bùi Hải Nam	09/12/81		CTCP Công nghệ Nam Tùng	6.50	6.00	12.50	12.50	
531	V14.00668	Đinh Khắc Nam	06/12/85		TSTD	6.00	3.50	9.50	9.50	
532	V14.00669	Đinh Văn Nam	29/08/91		TSTD	4.00	5.00	9.00	9.00	

12

SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 20

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
533	★ V14.00670	Hoàng Nam	29/07/88		TSID	3.50	4.00	7.50	7.50	
534	V14.00672	Nguyễn Đào Việt Nam	10/10/92		TSID	6.50	4.00	10.50	10.50	
535	V14.00674	Phan Hoài Nam	03/07/91		TSID	4.75	2.00	6.75	7.00	
536	V14.00676	Lê Thị Thanh Nga	02/01/90	Nữ	CT TNHH Tuấn Đức	5.00	3.00	8.00	8.00	
537	V14.00678	Nguyễn Thị Hồng Nga	04/03/91	Nữ	Công ty TNHH Contemi Việt Nam	6.50	5.00	11.50	11.50	
538	V14.00680	Phạm Thị Thuý Nga	17/05/82	Nữ	Ngân hàng TMCP kỹ thương VN	2.00	3.00	5.00	5.00	
539	V14.00681	Mai Thị Hồng Ngát	22/06/86	Nữ	Tòa án nhân dân tối cao	3.00	2.50	5.50	5.50	
540	V14.00682	Chu Thị Ngà	24/09/89	Nữ	CT TNHH KIVINA	3.50	2.50	6.00	6.00	
541	V14.00683	Nguyễn Thị Thanh Ngà	01/05/85	Nữ	TSID	6.00	4.00	10.00	10.00	
542	V14.00684	Đỗ Hoàng Thúy Ngân	18/09/91	Nữ	Công ty bất động sản AIM	6.50	5.00	11.50	11.50	
543	V14.00685	Lê Thị Kim Ngân	12/07/87	Nữ	TSID	3.00	3.00	6.00	6.00	
544	V14.00686	Lê Kim Ngân	23/07/84	Nữ	Ngân hàng TMCP Đông Nam á	6.50	4.50	11.00	11.00	
545	V14.00687	Nguyễn Thị Ngân	23/08/87	Nữ	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thất	3.50	3.50	7.00	7.00	
546	V14.00688	Phan Khánh Ngân	24/12/92	Nữ	TSID	4.50	1.50	6.00	6.00	
547	V14.00689	Phùng Nguyễn Đại Ngân	17/08/92	Nữ	TSID	6.00	3.00	9.00	9.00	
548	V14.00690	Vũ Thị Kim Ngân	14/09/90	Nữ	UBND phường Minh Khai - HN	2.50		2.50	2.50	
549	V14.00692	Nguyễn Chính Nghĩa	17/01/86		CT TNHH thủ công mỹ nghệ Dũng Chiến	3.00	3.50	6.50	6.50	
550	V14.00693	Nguyễn Văn Nghĩa	30/05/86		Báo Lao động và xã hội	3.50	3.00	6.50	6.50	
551	V14.00694	Nguyễn Thị Ngoan	10/05/91	Nữ	TSID	3.00	2.50	5.50	5.50	
552	V14.00695	Trần Thị Ngoan	30/11/82	Nữ	TSID	7.50	5.00	12.50	12.50	
553	V14.00696	Dương Minh Ngọc	16/07/86	Nữ	Tập đoàn điện lực Việt Nam	4.00	6.50	10.50	10.50	
554	V14.00697	Hoàng Bích Ngọc	15/04/92	Nữ	TSID	4.00	2.50	6.50	6.50	
555	V14.00698	Lại Thị Phương Ngọc	01/10/86	Nữ	TSID	4.50	4.50	9.00	9.00	
556	V14.00699	Lê Thị Bích Ngọc	04/11/91	Nữ	TSID	3.50	4.00	7.50	7.50	
557	V14.00700	Lê Hoàng Ngọc	17/11/89		TSID	3.50	2.50	6.00	6.00	
558	V14.00701	Lê Bích Ngọc	19/11/90	Nữ	TSID	3.50	3.00	6.50	6.50	
559	V14.00702	Lê Thị Ngọc	30/11/90	Nữ	TSID	3.50	2.50	6.00	6.00	
560	V14.00703	Nguyễn Thị Anh Ngọc	20/4 /92	Nữ	TSID	4.50	3.50	8.00	8.00	



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 21

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
561	V14.00704	Nguyễn Bảo Ngọc	05/11/92	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh	3.50	2.00	5.50	5.50	
562	V14.00705	Nguyễn Thạc Ngọc	15/08/87		Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3.50	5.50	9.00	9.00	
563	V14.00706	Nguyễn Văn Ngọc	27/07/88		Trung đoàn 375 - Bộ Tư lệnh cảnh vệ	5.00	4.00	9.00	9.00	
564	V14.00707	Phan Tuấn Ngọc	17/03/88		CT TNHH Toyota Long Biên	3.50	4.50	8.00	8.00	
565	V14.00708	Phạm Minh Ngọc	21/11/88		TSID	3.00	2.00	5.00	5.00	
566	V14.00709	Trần Thị Bảo Ngọc	29/08/88	Nữ	Ngân hàng TMCP á châu	6.00	3.50	9.50	9.50	
567	V14.00710	Trần Thị ánh Ngọc	17/02/79	Nữ	Công ty cổ phần QLTM Thăng Long	5.00	6.00	11.00	11.00	
568	V14.00711	Trịnh Đình Ngọc	18/12/89		CTCP Quốc tế CAA	3.50	5.00	8.50	8.50	
569	V14.00712	Vũ Bảo Ngọc	28/8/91	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại Chúng	2.00	3.50	5.50	5.50	
570	V14.00713	Nguyễn Thị Ngọ	29/06/90	Nữ	TSID	6.00	2.50	8.50	8.50	
571	V14.00714	Mẫu Thái Nguyên	19/06/85		CT TNHH Thương mại và dịch vụ Chung Đạt	8.00	5.00	13.00	13.00	
572	V14.00715	Nguyễn Thảo Nguyên	31/10/92	Nữ	Carvill Việt Nam	7.00	3.00	10.00	10.00	
573	V14.00716	Dương ánh Nguyệt	13/11/89	Nữ	TSID	3.50	6.50	10.00	10.00	
574	V14.00717	Nguyễn Minh Nguyệt	08/03/90	Nữ	UBND huyện Hoài Đức - HN	3.00	3.00	6.00	6.00	
575	V14.00718	Nguyễn Minh Nguyệt	06/11/89	Nữ	TSID	6.50	2.00	8.50	8.50	
576	V14.00720	Trần Thị Nguyệt	30/07/90	Nữ	TSID	7.50	5.00	12.50	12.50	
577	V14.00722	Đoàn Thị Thanh Nhân	06/10/84	Nữ	Công ty TNHH Việt Mỹ	2.50	4.50	7.00	7.00	
578	V14.00723	Nguyễn Thị Thanh Nhân	02/02/84	Nữ	Tổ chức Luật sư Nishimra&Asahi	7.00	5.50	12.50	12.50	
579	V14.00724	Phạm Thị Nhân	10/09/90	Nữ	TSID	7.50	6.00	13.50	13.50	
580	V14.00725	Vũ Ngọc Nhạ	03/01/90		Công ty TNHH hóa chất và thiết bị Thiên Bình	3.50	5.50	9.00	9.00	
581	V14.00726	Vũ Văn Nhâm	08/03/92		TSID	6.50	2.00	8.50	8.50	
582	V14.00727	Lương Văn Nhân	04/10/91		Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nhà DAC HN	3.00	3.50	6.50	6.50	
583	V14.00728	Đào Ngọc Nhất	08/02/86		Ngân hàng Tiên phong	3.00	1.00	4.00	4.00	
584	V14.00729	Nguyễn Dương Nhật Nhật	18/04/89	Nữ	Tòa án nhân dân tối cao	3.00	3.50	6.50	6.50	
585	V14.00732	Phạm Thành Nhơn	18/10/89		Công ty TNHH Banca	3.00	4.00	7.00	7.00	
586	V14.00733	Bùi Thị Tuyết Nhung	30/01/88	Nữ	Văn phòng Quốc hội	3.50	3.00	6.50	6.50	
587	V14.00734	Chu Thị Hồng Nhung	17/10/89	Nữ	TSID	3.00	3.00	6.00	6.00	
588	V14.00736	Ngô Thị Nhung	20/03/80	Nữ	Công ty TM và sản xuất Anh Tùng	3.50	4.00	7.50	7.50	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 22

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
589	V14.00737	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/05/85	Nữ	Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, Phú Thọ	4.50	5.50	10.00	10.00	
590	V14.00739	Nguyễn Hồng Nhung	26/10/85	Nữ	Văn phòng Bộ tư pháp	4.00	5.00	9.00	9.00	
591	V14.00742	Bùi Thái Ninh	11/01/91		TSID	4.00	4.00	8.00	8.00	
592	V14.00743	Đỗ Thị Ninh	27/09/92	Nữ	TSID	3.50	5.00	8.50	8.50	
593	V14.00744	Trần Thị My Ni	28/03/87	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
594	V14.00746	Nguyễn Thị Kim Oanh	29/09/89	Nữ	TSID	7.50	4.00	11.50	11.50	
595	V14.00747	Nguyễn Thị Oanh	01/01/87	Nữ	Phòng giám định BHXH Bắc Giang	2.50	5.00	7.50	7.50	
596	V14.00748	Trần Văn Pháp	14/04/87		TSID	4.75	6.50	11.25	11.50	
597	V14.00749	Vũ Đình Phiên	26/09/88		TSID	6.00	3.50	9.50	9.50	
598	V14.00751	Nguyễn Hữu Phong	20/03/81		Thanh tra Sở Giao thông vận tải Hà Nội	4.00	3.00	7.00	7.00	
599	V14.00752	Trần Ngọc Phong	30/12/89		UBND phường Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội	6.50	4.00	10.50	10.50	
600	V14.00753	Nguyễn Bá Phúc	12/10/90		ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội	4.00	5.50	9.50	9.50	
601	V14.00755	Đoàn Trần Phú	23/09/79		TSID	4.00	2.50	6.50	6.50	
602	V14.00756	Nguyễn Văn Phú	02/01/84		Viện kiểm sát quân sự thủ đô HN	2.50	4.00	6.50	6.50	
603	V14.00757	Đàm Thị Thu Phương	27/05/87	Nữ	VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	3.50	1.00	4.50	4.50	
604	V14.00758	Đàm Văn Phương	05/7 /91		TSID	4.00	3.50	7.50	7.50	
605	V14.00759	Đào Duy Phương	03/07/90		Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng	1.50	2.00	3.50	3.50	
606	V14.00760	Đào Mai Phương	04/08/89	Nữ	Công ty TNHH Sena VN	2.00	5.00	7.00	7.00	
607	V14.00761	Đặng Việt Phương	27/02/72		CTTNHH Phát triển và Đầu tư VPI	3.50	3.00	6.50	6.50	
608	V14.00762	Đinh Thị Mai Phương	10/09/89	Nữ	Trường THPT Trần Đăng Ninh - HN	3.00	2.00	5.00	5.00	
609	V14.00763	Hoàng Minh Phương	27/10/84		Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng	2.00	3.50	5.50	5.50	
610	V14.00764	Lê Thị Minh Phương	28/08/84	Nữ	Ngân hàng TMCP SHB - Chi nhánh Tây Hà Nội	2.50	3.00	5.50	5.50	
611	V14.00765	Lê Thị Mai Phương	21/06/82	Nữ	Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam	4.00	6.50	10.50	10.50	
612	V14.00766	Lý Thị Minh Phương	27/07/87	Nữ	Công ty TNHH SHG	6.00	5.50	11.50	11.50	
613	V14.00767	Ngô Quốc Phương	16/08/91		TSID	4.00	3.00	7.00	7.00	
614	V14.00768	Nguyễn Văn Phương	18/06/90		VKSND huyện Sóc Sơn - HN	4.50	5.00	9.50	9.50	
615	V14.00770	Nguyễn Tuấn Phương	29/12/80		Sở tư pháp Vĩnh Phúc	6.00	4.00	10.00	10.00	
616	V14.00771	Nguyễn Thị Minh Phương	21/11/89	Nữ	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	5.50	4.50	10.00	10.00	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 23

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
617	V14.00772	Nguyễn Thanh Phương	14/04/89	Nữ	TSID	2.50	5.00	7.50	7.50	
618	V14.00773	Phạm Thị Lan Phương	12/03/90	Nữ	TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
619	V14.00774	Phạm Thị Thu Phương	10/11/90	Nữ	CT TNHH Covilaw Việt Nam	6.00	5.00	11.00	11.00	
620	V14.00775	Trương Thị Thảo Phương	04/10/92	Nữ	TSID	7.50	4.00	11.50	11.50	
621	V14.00776	Trương Đình Phương	11/11/88		TSID	7.00	3.50	10.50	10.50	
622	V14.00777	Vũ Thị Thu Phương	16/02/92	Nữ	TSID	5.50	3.00	8.50	8.50	
623	V14.00778	Bùi Thị Phương	16/05/91	Nữ	CT TNHH 1 thành viên Home Credit VN	2.50	1.50	4.00	4.00	
624	V14.00779	Phạm Thị Hoa Phương	15/02/88	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
625	V14.00780	Trần Thị Kim Phương	13/09/84	Nữ	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	6.50	5.00	11.50	11.50	
626	V14.00781	Trần Thị Phương	20/04/89	Nữ	TSID	4.00	2.00	6.00	6.00	
627	V14.00782	Vũ ánh Phương	07/08/85	Nữ	Công ty TNHH Dịch vụ tiện ích đô thị	3.50	5.00	8.50	8.50	
628	V14.00783	Đặng Hồng Quang	23/09/85		TSID	0.00		0.00	0.00	
629	V14.00785	Đinh Hồng Quang	15/06/91		Công ty TNHH Shinhan Việt Nam	7.00	4.50	11.50	11.50	
630	V14.00786	Hà Hải Quang	25/07/75		Ngân hàng Standart Chartered Việt Nam	0.00	2.00	2.00	2.00	
631	V14.00787	Trần Văn Quảng	23/06/90		VKSND huyện Phú Lương - Thái Nguyên	3.50	5.00	8.50	8.50	
632	V14.00788	Giang Văn Quân	15/02/88		CT TNHH Tân Phú Thịnh - Quốc Oai	2.50	4.50	7.00	7.00	
633	V14.00789	Hoàng Trọng Quân	24/10/86		Ngân hàng TMCP Liên Việt	4.00	3.00	7.00	7.00	
634	V14.00790	Nguyễn Phúc Quân	24/10/89		Cục điều tra - VKSND Tối cao	7.00	5.50	12.50	12.50	
635	V14.00791	Vũ Lê Quân	30/5/85		TSID	4.50	3.50	8.00	8.00	
636	V14.00792	Lưu Thị Lệ Quyên	03/02/90	Nữ	CT TNHH Thịnh Phát	5.50	5.00	10.50	10.50	
637	V14.00793	Nguyễn Tú Quyên	28/09/84	Nữ	Cục kiểm soát thủ tục hành chính - Bộ Tư pháp	2.50	4.00	6.50	6.50	
638	V14.00794	Đỗ Văn Quyết	17/08/89		TSID	0.00	3.50	3.50	3.50	
639	V14.00795	Hoàng Văn Quyết	03/04/88		TSID	4.00	2.50	6.50	6.50	
640	V14.00797	Phan Đình Quyết	21/05/85		ĐH Thương mại	7.00	3.50	10.50	10.50	
641	V14.00798	Phạm Thanh Quyết	21/01/85		Lữ Đoàn 147	7.00	4.00	11.00	11.00	
642	V14.00799	Hoàng Thị Quy	06/06/85	Nữ	TSID	6.00	5.50	11.50	11.50	
643	V14.00800	Lê Ngọc Quyển	30/08/91		TSID	5.00	3.50	8.50	8.50	
644	V14.00801	Ngô Văn Quyển	09/08/87		Công ty TNHH Cart Bera Việt Nam	2.50	3.00	5.50	5.50	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 24

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
645	V14.00802	Nguyễn Ngọc Quý	10/11/86		Bộ Tư pháp	3.00	2.50	5.50	5.50	
646	V14.00803	Trần Phúc Quý	15/01/89		TSID	5.50	4.50	10.00	10.00	
647	V14.00804	Triệu Thị Hồng	01/04/86	Nữ	TSID	3.50	4.00	7.50	7.50	
648	V14.00806	Đàm Thị Quỳnh	01/09/91	Nữ	TSID	7.50	1.50	9.00	9.00	
649	V14.00807	Đinh Thị Như	16/05/80	Nữ	TAND TP. Hà Nội	5.00	3.50	8.50	8.50	
650	V14.00808	Đinh Thị Quỳnh	22/09/88	Nữ	VP Công chứng Thái Hà	3.50	6.00	9.50	9.50	
651	V14.00809	Phạm Thị Quỳnh	23/09/89	Nữ	TSID	7.00	6.00	13.00	13.00	
652	V14.00810	Quản Hương Quỳnh	29/03/92	Nữ	CTCP giao nhận LOGIX	7.00	5.50	12.50	12.50	
653	V14.00811	Tô Nguyễn Thu Quỳnh	10/04/90	Nữ	TT Đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội	7.00	6.00	13.00	13.00	
654	V14.00812	Vương Ngọc Quỳnh	07/08/88		TSID	3.50	2.00	5.50	5.50	
655	V14.00814	Đinh Xuân Sang	20/09/91		Lữ Đoàn 161	2.50	2.00	4.50	4.50	
656	V14.00815	Nguyễn Văn Sáng	07/08/87		VKS Quân sự Quân khu I	7.50	5.50	13.00	13.00	
657	V14.00816	Nguyễn Quang Sắc	18/09/88		Công ty chứng khoán ngân hàng công thương VN	3.50	3.50	7.00	7.00	
658	V14.00817	Nguyễn Thị Hồng Sen	05/02/85	Nữ	TSID	1.00	3.50	4.50	4.50	
659	V14.00818	Tạ Thị Hương Sen	16/08/88	Nữ	Ban QL dự án huyện Sóc Sơn - HN	2.00	3.50	5.50	5.50	
660	V14.00820	Đinh Trung Sơn	27/11/80		TAND Huyện Phù Ninh, Vĩnh Phúc	8.50	6.00	14.50	14.50	
661	V14.00821	Đỗ Tấn Sơn	02/01/86		TSID	8.00	6.00	14.00	14.00	
662	V14.00822	Hoàng Anh Sơn	17/08/92		TSID	5.50	4.50	10.00	10.00	
663	V14.00824	Lê Bùi Hoàng Sơn	20/10/92		CTCP truyền thông Quốc gia Việt Nam	3.50	5.00	8.50	8.50	
664	V14.00825	Lê Trung Sơn	07/07/88		Bộ tài chính	7.50	6.00	13.50	13.50	
665	V14.00826	Nguyễn Văn Sơn	02/02/87		VKSND tỉnh Thanh Hóa	7.50	5.50	13.00	13.00	
666	V14.00828	Nguyễn Thế Sơn	28/06/83		Công ty TNHH Công nghệ năng lượng và tự động	2.00	4.00	6.00	6.00	
667	V14.00830	Trần Ngọc Sơn	15/09/88		Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ	3.50	4.50	8.00	8.00	
668	V14.00832	Hoàng Đức Sỹ	09/12/79		Lữ đoàn 679	3.00	4.50	7.50	7.50	
669	V14.00834	Hoàng Trọng Tài	17/10/86		TSID	7.50	5.00	12.50	12.50	
670	V14.00835	Trần Anh Tài	03/07/77		Tổng CTCP Sông Hồng	7.00	6.00	13.00	13.00	
671	V14.00837	Nguyễn Thị Tâm	29/03/83	Nữ	TSID	3.00	2.00	5.00	5.00	
672	V14.00838	Phạm Văn Tâm	08/05/90		TSID	7.00	5.50	12.50	12.50	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 25

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
673	V14.00839	Trần Thị Tâm	02/06/88	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
674	V14.00841	Bùi Thị Minh Tân	01/05/91	Nữ	Văn phòng luật sư ATK	3.00	3.50	6.50	6.50	
675	V14.00843	Nguyễn Thế Tân	08/12/77		TSID	6.50	5.00	11.50	11.50	
676	V14.00846	Quách Văn Tấn	17/08/77		BQL Khu công nghiệp và chế xuất HN	2.00	5.50	7.50	7.50	
677	V14.00847	Bùi Thị Thanh	02/12/87	Nữ	Cục thi hành án DS TP. Hưng Yên	6.50	4.00	10.50	10.50	
678	V14.00848	Đàm Văn Thanh	23/01/85		TCT Đầu tư phát triển đường cao tốc VN	3.50	6.00	9.50	9.50	
679	V14.00849	Đoàn Lê Thanh	16/09/85	Nữ	Ngân hàng TMCP hàng hải VN	7.00	5.50	12.50	12.50	
680	V14.00850	Đoàn Triệu Thanh	25/11/88		CTCP truyền thông Việt Phú	6.50	6.00	12.50	12.50	
681	V14.00853	Nguyễn Thị Thanh	04/08/92	Nữ	Công ty Luật TNHH Thời Đại	3.50	4.00	7.50	7.50	
682	V14.00854	Nguyễn Thúy Thanh	03/12/90	Nữ	UBND phường Quỳnh Lôi, Quận HBT, Hà Nội	7.00	4.50	11.50	11.50	
683	V14.00855	Nguyễn Thị Thanh	17/09/90	Nữ	UBND xã Đại Thành, Quốc Oai, HN	5.50	4.00	9.50	9.50	
684	V14.00856	Trần Ngọc Thanh	24/08/90		TT Thể dục thể thao quận Hai Bà Trưng	3.50	2.00	5.50	5.50	
685	V14.00857	Triệu Đình Thanh	16/09/90		TSID	6.50	4.00	10.50	10.50	
686	V14.00858	Võ Thị Hồng Thanh	11/11/90	Nữ	TSID	3.00	4.50	7.50	7.50	
687	V14.00859	Hoàng Xuân Thái	17/03/84		Bảo hiểm quân đội	2.00	2.00	4.00	4.00	
688	V14.00860	Nguyễn Quang Thái	17/10/83		Cảng vụ hàng không miền bắc	5.00	6.50	11.50	11.50	
689	V14.00861	Tạ Quang Thái	22/08/91		Báo điện tử Đảng cộng sản VN	4.50	3.50	8.00	8.00	
690	V14.00862	Trần Xuân Thái	24/06/89		TSID	3.00	2.00	5.00	5.00	
691	V14.00863	Đào Xuân Thành	14/10/79		TSID	7.00	2.50	9.50	9.50	
692	V14.00864	Đinh Công Thành	25/04/92		TSID	3.50	6.00	9.50	9.50	
693	V14.00865	Lê Văn Thành	22/01/69		Bộ NN&PT nông thôn	4.50	4.00	8.50	8.50	
694	V14.00866	Lương Trung Thành	19/12/89		Văn phòng Quốc hội	3.50	3.00	6.50	6.50	
695	V14.00867	Nguyễn Chí Thành	05/08/83		Công ty CP công nghệ và thương mại Việt Thành	2.50	4.00	6.50	6.50	
696	V14.00868	Nguyễn Xuân Thành	10/07/90		TSID	5.00	2.50	7.50	7.50	
697	V14.00869	Nguyễn Việt Thành	12/12/80		Ngân hàng Seabank	1.50	1.00	2.50	2.50	
698	V14.00870	Nguyễn Văn Thành	25/08/88		Trường ĐH Luật HN	3.00	6.00	9.00	9.00	
699	V14.00872	Phạm Hữu Thành	02/11/86		Sở giao thông vận tải HN	3.50	2.00	5.50	5.50	
700	V14.00873	Trần Đức Thành	03/05/86		TSID	3.50	5.00	8.50	8.50	

16



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 26

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
701	V14.00874	Trịnh Minh Thành	26/08/90		TSID	2.50	6.00	8.50	8.50	
702	V14.00875	Vũ Thị Phúc	04/04/86	Nữ	Công ty TNHH Coach Việt Nam	7.00	3.50	10.50	10.50	
703	V14.00876	Vũ Xuân Hà	14/05/82		Cục hàng không Việt Nam	3.00	2.00	5.00	5.00	
704	V14.00877	Vũ Minh	19/08/92		TSID	4.50	6.50	11.00	11.00	
705	V14.00878	Bùi Thị Thảo	15/01/88	Nữ	Cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín	3.50	4.50	8.00	8.00	
706	V14.00880	Dương Hạnh	10/09/91	Nữ	TSID	4.00	2.50	6.50	6.50	
707	V14.00881	Hà Thị Phương	07/08/91	Nữ	Bộ Tư pháp	4.50	3.00	7.50	7.50	
708	V14.00882	Ngô Thị Thảo	21/07/92	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
709	V14.00883	Nguyễn Thị Thu	17/01/88	Nữ	TSID	3.50	2.00	5.50	5.50	
710	V14.00884	Nguyễn Xuân Thảo	17/10/84		TSID	5.50	2.50	8.00	8.00	
711	V14.00885	Phạm Phương	19/10/86	Nữ	Cục thuế thành phố HN	7.50	4.50	12.00	12.00	
712	V14.00886	Phương Thanh	19/05/89	Nữ	Công ty Prudential VN	6.00	4.00	10.00	10.00	
713	V14.00887	Nguyễn Thế Thạch	19/03/89		CTCP Hào khí Đông A	0.50	1.50	2.00	2.00	
714	V14.00888	Phạm Quang Thập	19/06/79		Tổng cục An ninh Bộ Công an	8.00	6.00	14.00	14.00	
715	V14.00889	Nguyễn Văn Thăng	28/05/84	Nữ	TSID	3.50	2.50	6.00	6.00	
716	V14.00890	Nguyễn Thị Thắm	06/04/92	Nữ	Văn phòng Luật công chứng Vĩnh Xuân	3.00	2.50	5.50	5.50	
717	V14.00891	Dương Ngô Thắng	29/09/92		TSID	3.50	3.00	6.50	6.50	
718	V14.00892	Lương Minh Thắng	26/11/83		NHTMCP dầu khí toàn cầu	4.50	3.00	7.50	7.50	
719	V14.00893	Nguyễn Mạnh Thắng	07/07/87		TSID	1.00	2.50	3.50	3.50	
720	V14.00894	Nguyễn Đức Thắng	18/02/86		CT TNHH Huyền Linh	5.00	6.00	11.00	11.00	
721	V14.00895	Nguyễn Mạnh Thắng	17/01/81		TSID	4.50	6.50	11.00	11.00	
722	V14.00896	Nguyễn Đức Thắng	29/10/87		Tòa án nhân dân tối cao	5.50	3.50	9.00	9.00	
723	V14.00897	Nguyễn Đức Thắng	28/12/89		TSID	5.50	3.50	9.00	9.00	
724	V14.00898	Tạ Quyết Thắng	12/8 /88		Văn phòng công chứng Hào Anh	5.50	7.00	12.50	12.50	
725	V14.00899	Thiếu Quang Thắng	13/03/85		Ngân hàng TMCP Phương Đông	3.50		3.50	3.50	
726	V14.00900	Trần Phương Nam	08/09/92		TSID	2.50	4.00	6.50	6.50	
727	V14.00902	Trịnh Quyết Thắng	17/09/91		Xí nghiệp vận tải du lịch Hà Nội	3.50	5.50	9.00	9.00	
728	V14.00903	Ngô Duy Thế	03/02/90		Bảo thương hiệu và công luận	7.00	5.00	12.00	12.00	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 27

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
729	V14.00904	Phạm Thị Thiêm	22/04/92	Nữ	TSID	2.50	3.50	6.00	6.00	
730	V14.00905	Nguyễn Văn Thiên	10/05/88		Bộ Tham mưu quân khu 3	6.00	5.50	11.50	11.50	
731	V14.00906	Hà Văn Thiết	30/11/90		TSID	3.50	3.50	7.00	7.00	
732	V14.00908	Đào Xuân Thịnh	28/09/89		CTCP Dược phẩm Glomed	5.00	3.50	8.50	8.50	
733	V14.00909	Hoàng Thị Vĩnh Thịnh	21/10/91	Nữ	TSID	6.50	5.50	12.00	12.00	
734	V14.00910	Tạ Tường Thịnh	05/07/88		TSID	4.00	0.50	4.50	4.50	
735	V14.00912	Lê Thị Kim Thoa	10/05/86	Nữ	Công ty TNHH dịch vụ Nhật Nguyên	1.50	2.00	3.50	3.50	
736	V14.00913	Nguyễn Thị Thoa	01/06/90	Nữ	UBND huyện Chương Mỹ HN	3.50	4.00	7.50	7.50	
737	V14.00914	Phạm Văn Thỏ	21/06/89		Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn HN	5.00	5.00	10.00	10.00	
738	V14.00915	Dương Văn Thọ	16/07/90		Công ty TNHH Zuellig Pharma VN	2.50	5.00	7.50	7.50	
739	V14.00916	Nguyễn Văn Thọ	05/01/87		TSID	4.50	4.00	8.50	8.50	
740	V14.00917	Vũ Tiến Thọ	19/08/91		TSID	8.50	7.00	15.50	15.50	
741	V14.00918	Vũ Thị Thơm	07/04/90	Nữ	TSID	2.50	1.50	4.00	4.00	
742	V14.00919	Phan Thị Thơ	06/12/84	Nữ	TSID	2.50	4.50	7.00	7.00	
743	V14.00920	Đỗ Văn Thuật	28/06/89		TSID	3.00	4.50	7.50	7.50	
744	V14.00921	Đặng Thị Thu	09/07/88	Nữ	UBND phường Trần Hưng Đạo - Nam Định	4.00	2.00	6.00	6.00	
745	V14.00922	Đỗ Thị Thu	22/08/88	Nữ	Công ty CP OHAY GROUP	8.00	4.50	12.50	12.50	
746	V14.00924	Lê Thị Thu	09/09/85	Nữ	VKSND huyện Thạch Thành	4.00	3.00	7.00	7.00	
747	V14.00925	Nguyễn Thị Minh Thu	02/03/83	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
748	V14.00926	Nguyễn Thị Thu	18/09/90	Nữ	UBND xã Kim Chung- Đông Anh	2.50	5.00	7.50	7.50	
749	V14.00927	Nguyễn Minh Thu	25/05/88	Nữ	Văn phòng luật sự Nam Hà Nội	2.00	1.50	3.50	3.50	
750	V14.00928	Trần Minh Thu	09/11/88	Nữ	Ngân hàng TMCP Quân đội	3.50	5.50	9.00	9.00	
751	V14.00929	Dương Văn Thuyết	20/04/85		TAND huyện Văn Giang - Hưng Yên	2.00	6.00	8.00	8.00	
752	V14.00931	Nguyễn Văn Thuy	06/09/86		Lữ Đoàn 147	7.00	2.50	9.50	9.50	
753	V14.00932	Đinh Thị Thuyết	02/04/91	Nữ	Công an Quận Đống Đa, Hà Nội	6.00	2.50	8.50	8.50	
754	V14.00933	Nguyễn Phương Thuyết	20/02/90		Phòng Tài nguyên môi trường huyện Thạch Thất	4.00	2.00	6.00	6.00	
755	V14.00934	Nguyễn Thị Thuyết	23/08/89	Nữ	Viện nghiên cứu lập pháp	3.50	3.50	7.00	7.00	
756	V14.00935	Nguyễn Thị Thuyết	27/10/61	Nữ	Thông tấn xã VN	0.00	5.00	5.00	5.00	

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 28

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
757	V14.00936	Phạm Thị Phương	Thúy	19/01/86	Nữ	Ngân hàng TMCP Đại Dương	6.50	6.50	13.00	13.00	
758	V14.00937	Phạm Thị	Thúy	12/02/92	Nữ	TSID	7.00	5.00	12.00	12.00	
759	V14.00940	Bùi Thị Thu	Thúy	15/12/89	Nữ	CT Elentec VN	3.50	4.00	7.50	7.50	
760	V14.00941	Bùi Thu	Thúy	13/9 /91	Nữ	TSID	6.50	3.00	9.50	9.50	
761	V14.00943	Đỗ Thị Thanh	Thúy	25/04/92	Nữ	TSID	6.00	4.00	10.00	10.00	
762	V14.00944	Hà Thị	Thúy	23/02/88	Nữ	TSID	4.00	4.00	8.00	8.00	
763	V14.00945	Hoàng Thị	Thúy	20/02/91	Nữ	TSID	2.50	1.50	4.00	4.00	
764	V14.00946	Lại Thu	Thúy	16/07/92	Nữ	TSID	3.00	3.00	6.00	6.00	
765	V14.00947	Lê Thị	Thúy	04/05/85	Nữ	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietinbank	4.50	4.00	8.50	8.50	
766	V14.00948	Nguyễn Trần Thu	Thúy	27/11/90	Nữ	Sân bay quốc tế T2 - Nội bài	3.50	3.50	7.00	7.00	
767	V14.00949	Nguyễn Thị Thu	Thúy	28/10/82	Nữ	Thanh tra Bộ Công thương	5.50	2.50	8.00	8.00	
768	V14.00950	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	21/12/85	Nữ	UBND Quận Ba Đình - HN	7.25	5.50	12.75	13.00	
769	V14.00952	Nguyễn Thị	Thúy	11/06/92	Nữ	Viện nghiên cứu và phát triển Sena	3.00	5.50	8.50	8.50	
770	V14.00953	Nguyễn Xuân	Thúy	14/10/90		CT Luật SUN - VN	3.00	3.00	6.00	6.00	
771	V14.00954	Nguyễn Bích	Thúy	24/12/89	Nữ	Ngân hàng ANZ Hà Nội	3.00	4.00	7.00	7.00	
772	V14.00956	Phạm Thị Thanh	Thúy	16/10/87	Nữ	NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN	4.50	2.50	7.00	7.00	
773	V14.00957	Phạm Văn	Thúy	10/04/86		TSID	1.50	4.50	6.00	6.00	
774	V14.00958	Trần Thị Thu	Thúy	24/03/89	Nữ	TSID	3.50	6.50	10.00	10.00	
775	V14.00959	Trần Thu	Thúy	24/01/80	Nữ	Thanh tra cục Hàng không VN	3.50	4.00	7.50	7.50	
776	V14.00960	Vũ Thị	Thúy	17/07/90	Nữ	TSID	4.00	1.00	5.00	5.00	
777	V14.00961	Đào Anh	Thư	14/07/90	Nữ	TSID	4.50	5.00	9.50	9.50	
778	V14.00962	Nguyễn Minh	Thư	15/08/90	Nữ	TSID	5.50	5.00	10.50	10.50	
779	V14.00963	Nguyễn Thị Anh	Thương	26/05/90	Nữ	CT TNHH Thịnh Phát	2.50	3.00	5.50	5.50	
780	V14.00964	Nguyễn Thị	Thương	24/06/90	Nữ	TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
781	V14.00966	Hồ Thị	Thường	10/09/87	Nữ	Công ty cổ phần EMB Nhật Việt	4.00	2.00	6.00	6.00	
782	V14.00967	Trần Văn	Thức	20/01/87		Đội thanh tra An toàn giao thông số 1	4.00	3.00	7.00	7.00	
783	V14.00970	Hoàng Văn	Tiến	25/04/88		TSID	3.00	1.00	4.00	4.00	
784	V14.00971	Nguyễn Hồng	Tiến	02/05/81		CTCP dịch vụ hàng không	2.00	1.00	3.00	3.00	

m



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 29

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
785	V14. 00972	Nguyễn Vũ Tiến	13/10/81		Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng	7.00	4.00	11.00	11.00	
786	V14. 00973	Nguyễn Việt Tiến	27/04/80		Bộ tư lệnh Phòng không không quân	8.00	6.00	14.00	14.00	
787	V14. 00974	Nông Văn Tiến	13/06/89		TSID	3.50	2.50	6.00	6.00	
788	V14. 00976	Phan Văn Tiến	22/07/86		TSID	4.00	6.00	10.00	10.00	
789	V14. 00977	Phan Anh Tiến	29/04/92		TSID	7.00	4.00	11.00	11.00	
790	V14. 00978	Phạm Công Tiến	10/01/84		TSID	0.00		0.00	0.00	
791	V14. 00979	Vũ Dương Tiến	26/03/92		TSID	3.00	3.00	6.00	6.00	
792	V14. 00980	Vũ Duy Tiếp	20/04/89		TSID	8.00	4.50	12.50	12.50	
793	V14. 00981	Trịnh Thị Tĩnh	04/06/89	Nữ	Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam	3.00	6.50	9.50	9.50	
794	V14. 00982	Vũ Công Tĩnh	15/02/90		TSID	3.00	3.00	6.00	6.00	
795	V14. 00983	Dương Văn Toán	14/12/91		TSID	4.00	4.50	8.50	8.50	
796	V14. 00984	Trần Văn Toán	12/02/85		TSID	6.50	4.50	11.00	11.00	
797	V14. 00986	Lê Ngọc Toàn	10/05/88		TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
798	V14. 00989	Nguyễn Thế Toàn	20/12/75		TSID	1.50	5.00	6.50	6.50	
799	V14. 00990	Trần Nam Toàn	10/09/87		Tập đoàn đầu tư và phát triển VN	4.00	3.00	7.00	7.00	
800	V14. 00991	Hoàng Văn Toàn	05/10/89		Báo pháp luật Việt Nam	8.00	5.00	13.00	13.00	
801	V14. 00992	Đoàn Văn Tôn	05/03/87		TSID	4.00	3.00	7.00	7.00	
802	V14. 00993	Bùi Thị Thùy Trang	18/02/89	Nữ	Đảng ủy phường Khâm Thiên	3.50	4.00	7.50	7.50	
803	V14. 00994	Đào Thu Trang	09/12/83	Nữ	TSID	8.00	5.50	13.50	13.50	
804	V14. 00995	Đặng Thu Trang	13/08/90	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
805	V14. 00996	Đặng Thu Trang	25/8 /92	Nữ	TSID	5.50	3.00	8.50	8.50	
806	V14. 00997	Đồng Thị Thu Trang	23/06/89	Nữ	Công ty CP đầu tư quốc tế Viettel	3.50	4.50	8.00	8.00	
807	V14. 00998	Đỗ Thu Trang	03/03/90	Nữ	TSID	3.00	3.00	6.00	6.00	
808	V14. 00999	Đỗ Huyền Trang	09/10/88	Nữ	UBND phường Liễu Giai	5.00	5.50	10.50	10.50	
809	V14. 01000	Hoàng Minh Trang	31/10/90	Nữ	TSID	0.00	4.50	4.50	4.50	
810	V14. 01004	Lê Huyền Trang	25/10/88	Nữ	Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương	1.50	2.50	4.00	4.00	
811	V14. 01005	Nguyễn Thu Trang	04/09/86	Nữ	Ban quản lý dự án Quận Cầu Giấy	5.00	3.00	8.00	8.00	
812	V14. 01006	Nguyễn Quỳnh Trang	03/11/88	Nữ	TSID	3.25	4.50	7.75	8.00	

Handwritten signature or mark.



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 30

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
813	V14.01007	Nguyễn Thị Trang	12/5 /90	Nữ	TSID	4.00	5.00	9.00	9.00	
814	V14.01008	Nguyễn Thu Trang	17/11/86	Nữ	ĐH Luật Hà Nội	7.00	7.00	14.00	14.00	
815	V14.01009	Nguyễn Trịnh Trang	11/09/89	Nữ	TSID	2.00	4.00	6.00	6.00	
816	V14.01010	Nguyễn Thu Trang	20/12/89	Nữ	TSID	3.50	4.00	7.50	7.50	
817	V14.01011	Phạm Hoàng Văn Trang	01/10/92	Nữ	TSID	3.50	5.00	8.50	8.50	
818	V14.01013	Phạm Thị Thu Trang	02/06/90	Nữ	Văn phòng công chứng A18	3.00	4.50	7.50	7.50	
819	V14.01014	Phạm Thanh Trang	10/11/81		TSID	3.50	4.00	7.50	7.50	
820	V14.01015	Phí Thị Huyền Trang	20/08/88	Nữ	Khoa Luật-ĐH Quốc gia HN	3.00	2.00	5.00	5.00	
821	V14.01016	Phùng Thị Thu Trang	16/08/78	Nữ	TSID	4.50	6.00	10.50	10.50	
822	V14.01017	Trần Thị Thu Trang	18/11/86	Nữ	CT TNHH Thương mại tổng hợp Việt Hưng	8.00	5.00	13.00	13.00	
823	V14.01018	Trần Thị Thu Trang	26/09/92	Nữ	TSID	3.50	2.00	5.50	5.50	
824	V14.01019	Trần Hồng Trang	02/10/90	Nữ	Tòa án nhân dân tối cao	3.00	4.00	7.00	7.00	
825	V14.01020	Trần Thu Trang	14/08/92	Nữ	TSID	8.00	6.00	14.00	14.00	
826	V14.01022	Võ Đặng Thùy Trang	08/01/92	Nữ	TSID	3.50	4.50	8.00	8.00	
827	V14.01023	Vũ Thị Trang	06/11/89	Nữ	TSID	4.00	5.00	9.00	9.00	
828	V14.01024	Vũ Mai Trang	12/01/89	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
829	V14.01025	Vũ Huyền Trang	21/08/91	Nữ	TSID	4.00	3.50	7.50	7.50	
830	V14.01026	Nguyễn Thu Trà	03/11/89	Nữ	Ngân hàng Techcombank	0.00	3.50	3.50	3.50	
831	V14.01027	Phùng Thị Thanh Trà	10/11/90	Nữ	UBND xã Dương Hà - Gia Lâm - HN	3.00	4.50	7.50	7.50	
832	V14.01029	Nguyễn Viết Trọng	18/05/89		Quân chủng phòng không - không quân	5.50	3.00	8.50	8.50	
833	V14.01030	Nguyễn Tiến Trọng	18/03/82		Lữ đoàn 205 Bộ Quốc Phòng	6.50	5.00	11.50	11.50	
834	V14.01031	Phạm Văn Trọng	01/11/86		Công ty cổ phần nhân lực và xây dựng VN	6.00	6.00	12.00	12.00	
835	V14.01032	Hoàng Thành Trung	27/12/89		TSID	0.00	3.00	3.00	3.00	
836	V14.01033	Lâm Bảo Trung	28/06/90		VP Công chứng Thành công	6.50	3.50	10.00	10.00	
837	V14.01034	Nguyễn Đức Trung	06/11/83		CTCP giấy Đông Anh	3.00	2.00	5.00	5.00	
838	V14.01035	Nguyễn Đình Trung	06/08/84		Ngân hàng Agribank	4.00	5.00	9.00	9.00	
839	V14.01037	Nguyễn Hà Trung	12/12/92		Bệnh viện Y học Tuệ Tĩnh	4.00	5.00	9.00	9.00	
840	V14.01039	Nguyễn Thế Trung	10/08/92		TSID	6.00	3.50	9.50	9.50	

✓



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 31

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
841	V14.01040	Phan Vũ Trung	16/03/91		TSID	4.50	7.50	12.00	12.00	
842	V14.01042	Trần Lê Trung	20/07/88		TSID	5.50	1.75	7.25	7.50	VP&C
843	V14.01044	Lê Danh Trường	12/01/80		Phòng tài nguyên môi trường Huyện Hoài Đức, HN	6.00	5.00	11.00	11.00	
844	V14.01045	Trần Hồng Trường	29/09/82		VKS quân sự quân chủng Phòng không không quân	8.00	1.50	9.50	9.50	
845	V14.01046	Dương Minh Tuấn	17/02/93		TSID	4.00	4.00	8.00	8.00	
846	V14.01047	Đinh Ngọc Tuấn	12/12/89		TSID	3.50	4.00	7.50	7.50	
847	V14.01048	Đỗ Tiến Tuấn	16/03/89		TSID	3.25	3.50	6.75	7.00	
848	V14.01049	Hoàng Anh Tuấn	28/04/82		Bộ Công An	7.50	2.50	10.00	10.00	
849	V14.01050	Kiểu Mạnh Tuấn	12/11/90		Ngân hàng Liên Việt	6.00	5.00	11.00	11.00	
850	V14.01051	Lê Văn Tuấn	04/06/90		TSID	0.00	.	0.00	0.00	
851	V14.01052	Lê Anh Tuấn	14/01/77		CTTNHH truyền thông thời gian vàng	4.50	4.00	8.50	8.50	
852	V14.01054	Ngô Minh Tuấn	19/05/87		TSID	4.00	3.00	7.00	7.00	
853	V14.01055	Nguyễn Hà Tuấn	07/11/89		TSID	4.00	4.00	8.00	8.00	
854	V14.01056	Nguyễn Thanh Tuấn	10/03/78		Viện hàn lâm khoa học	3.00	3.50	6.50	6.50	
855	V14.01057	Nguyễn Anh Tuấn	11/09/89		TSID	4.50	4.50	9.00	9.00	
856	V14.01058	Nguyễn Anh Tuấn	12/11/92		TSID	3.50	4.00	7.50	7.50	
857	V14.01060	Nguyễn Anh Tuấn	31/07/82		Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng	4.50	5.50	10.00	10.00	
858	V14.01061	Nông Văn Tuấn	28/04/89		Công ty cổ phần XNK&TM Hoàng Long	5.50	4.00	9.50	9.50	
859	V14.01062	Trần Anh Tuấn	08/09/84		TSID	4.00	3.50	7.50	7.50	
860	V14.01063	Trần Anh Tuấn	14/03/89		Ngân hàng Quân đội	3.50	5.00	8.50	8.50	
861	V14.01064	Trần Minh Tuấn	15/08/90		Chi cục thuế Quận Ba Đình - HN	5.50	2.50	8.00	8.00	
862	V14.01065	Trần Anh Tuấn	20/03/83		Công ty chúng ta yêu	4.00	4.50	8.50	8.50	
863	V14.01066	Trần Anh Tuấn	26/05/82		TSID	6.50	6.50	13.00	13.00	
864	V14.01067	Vũ Anh Tuấn	03/02/84		Tập đoàn dầu khí VN	3.50	5.00	8.50	8.50	
865	V14.01068	Vũ Anh Tuấn	04/12/81		Bệnh viện 19-8 Bộ Công an	3.50	3.00	6.50	6.50	
866	V14.01069	Lê Thị Tuyền	21/01/85	Nữ	UBND xã Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	5.00	3.50	8.50	8.50	
867	V14.01070	Nguyễn Văn Tuyền	01/06/84		Tổng công ty ACC,QCPKKQ	3.50	7.50	11.00	11.00	
868	V14.01071	Nguyễn Thị Tuyết	20/05/91	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc	8.00	7.00	15.00	15.00	

2



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 32

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
869	V14.01072	Vũ ánh Tuyết	21/03/89	Nữ	TSID	6.00	5.00	11.00	11.00	
870	V14.01073	Nguyễn Viết Tuyền	23/04/89		TSID	2.50	3.00	5.50	5.50	
871	V14.01074	Tạ Thanh Tuyền	20/01/89	Nữ	TSID	3.50	7.00	10.50	10.50	
872	V14.01075	Đinh Doãn Tú	03/11/86		Ban QL đầu tư và XD khu đô thị mới HN	3.00	5.00	8.00	8.00	
873	V14.01077	Lê Anh Tú	12/09/89		CT Xây dựng An Việt - HN	4.50	5.50	10.00	10.00	
874	V14.01078	Nguyễn Vinh Tú	04/08/85		TSID	2.50	5.00	7.50	7.50	
875	V14.01079	Nguyễn Ngọc Tú	21/02/88	Nữ	TSID	3.00	4.00	7.00	7.00	
876	V14.01080	Nguyễn Anh Tú	23/12/86		Trung tâm thông tin và xúc tiến đầu tư	3.00	5.50	8.50	8.50	
877	V14.01081	Nguyễn Thị Tú	26/03/89	Nữ	CTTNHHTM&DV Hàng không D&T	6.00	6.00	12.00	12.00	
878	V14.01082	Phạm Anh Tú	09/05/90		Công ty cổ phần A Cao	3.50	3.00	6.50	6.50	
879	V14.01083	Phùng Ngọc Tú	25/01/86		Chi cục quản lý thị trường Hà Nội	4.00	3.00	7.00	7.00	
880	V14.01084	Trần Minh Tú	13/03/91		CT Luật Goldsun	3.50	3.00	6.50	6.50	
881	V14.01085	Trần Anh Tú	26/12/88		Ngân hàng VP Bank	5.50	4.50	10.00	10.00	
882	V14.01086	Trần Thanh Tú	30/06/90		CTCP chế tạo xây lắp cơ điện Thái Vạn Tường	2.50	4.50	7.00	7.00	
883	V14.01087	Trịnh Ngọc Tú	11/8 /88	Nữ	TSIDT	3.00	5.00	8.00	8.00	
884	V14.01088	Vũ Ngọc Tú	18/04/88		TSID	2.00	2.00	4.00	4.00	
885	V14.01089	Đặng Sơn Tùng	06/11/90		TSID	2.50	.	2.50	2.50	
886	V14.01090	Đoàn Thanh Tùng	19/08/90		CTCP tư vấn đầu tư xây dựng Tuấn Cường	4.00	5.00	9.00	9.00	
887	V14.01092	Hoàng Trần Tùng	08/10/86		CT TNHH sản xuất & TMDV Trường An Phát	6.50	4.50	11.00	11.00	
888	V14.01093	Huỳnh Duy Tùng	02/12/92		TSID	3.00	5.00	8.00	8.00	
889	V14.01095	Lâm Vũ Hoàng Tùng	01/11/91		CTCP thương mại và dịch vụ Đông Tây	1.00	0.50	1.50	1.50	
890	V14.01096	Lê Thanh Tùng	13/09/84		Tòa án nhân dân tối cao	3.50	2.00	5.50	5.50	
891	V14.01097	Liều Ngọc Tùng	30/10/92		Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang	3.50	2.50	6.00	6.00	
892	V14.01098	Nghiêm Xuân Tùng	21/11/91		TSID	3.50	6.00	9.50	9.50	
893	V14.01099	Ngô Quý Tùng	12/03/92		TSID	7.50	6.00	13.50	13.50	
894	V14.01100	Nguyễn Vũ Tùng	03/10/92		TSID	3.50	5.50	9.00	9.00	
895	V14.01101	Nguyễn Sơn Tùng	04/06/87		TSID	4.00	5.50	9.50	9.50	
896	V14.01102	Nguyễn Duy Tùng	12/08/88		CH Cộng đồng HN	3.00	5.00	8.00	8.00	

B2



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 33

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
897	V14.01104	Nguyễn Hào	Tùng	17/09/86		Ngân hàng Agribank	6.75	2.50	9.25	9.50
898	V14.01105	Nguyễn Khánh	Tùng	22/08/90		TSID	2.50	5.00	7.50	7.50
899	V14.01108	Phạm Thanh	Tùng	13/10/84		TSID	3.00	3.00	6.00	6.00
900	V14.01110	Trịnh Thanh	Tùng	20/08/90		TSID	4.50	4.00	8.50	8.50
901	V14.01111	Nguyễn Thị	Tươi	13/07/87	Nữ	Trường ĐH Luật HN	3.00	4.00	7.00	7.00
902	V14.01112	Nguyễn Thế	Tường	27/9 /75		TSID	4.50	7.50	12.00	12.00
903	V14.01113	Nguyễn Thị	Uyên	04/12/86	Nữ	Tổ chức nhân quyền hiệp ước QT của Hàn quốc	6.50	6.00	12.50	12.50
904	V14.01114	Đổng Thành	ủy	01/07/88		UBND xã Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	3.50	5.00	8.50	8.50
905	V14.01116	Đỗ Thị Việt	Vân	26/08/87	Nữ	Công ty TNHH Thương mại BOO	3.00	5.50	8.50	8.50
906	V14.01117	Lê Thị	Vân	06/03/91	Nữ	Đội QLTT số 10, Bá Thước, Thanh Hóa	4.50	4.00	8.50	8.50
907	V14.01118	Ngô Thị Thu	Vân	28/07/90	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	8.00	1.00	9.00	9.00
908	V14.01119	Nguyễn Thị Hải	Vân	22/08/87	Nữ	Viện nghiên cứu lập pháp - UBTVQH	7.50	4.00	11.50	11.50
909	V14.01120	Nguyễn Thị Thanh	Vân	23/05/91	Nữ	TSID	3.00	4.50	7.50	7.50
910	V14.01121	Nguyễn Thị Kiều	Vân	10/10/89	Nữ	TSID	4.00	6.00	10.00	10.00
911	V14.01122	Phạm Thị	Vân	19/08/87	Nữ	Công ty cổ phần đầu tư Đức nghiệp	2.50	1.50	4.00	4.00
912	V14.01123	Phạm Thanh	Vân	22/03/88	Nữ	TSID	7.00	6.00	13.00	13.00
913	V14.01125	Trần Thị Cẩm	Vân	22/07/86	Nữ	CTTNHH Thiết bị khoangs chế chất lỏng Việt Thịnh	6.50	4.00	10.50	10.50
914	V14.01126	Vũ Lê	Vân	18/05/89		Văn phòng chính phủ	3.00	3.00	6.00	6.00
915	V14.01127	Vũ Quỳnh	Vân	21/07/80		TSID	3.00	4.00	7.00	7.00
916	V14.01128	Bùi Thị	Việt	14/04/92	Nữ	TSID	4.00	6.50	10.50	10.50
917	V14.01129	Đỗ Tiến	Việt	20/10/80		CTCP Ô tô xe máy Hà Thành	2.50	3.50	6.00	6.00
918	V14.01130	Lê Thanh	Việt	02/01/81		TSID	1.00	2.50	3.50	3.50
919	V14.01131	Lê Quốc	Việt	19/01/92		Ngân hàng TMCP Bắc á	3.00	4.00	7.00	7.00
920	V14.01132	Nghiêm Quốc	Việt	25/07/90		TSID	3.00	6.00	9.00	9.00
921	V14.01133	Ngô Quốc	Việt	09/08/91		CT TNHH Táp để đồ	3.00	2.00	5.00	5.00
922	V14.01134	Nguyễn Lâm	Việt	01/02/84		Công ty dịch vụ viễn thông	5.75	5.00	10.75	11.00
923	V14.01136	Nguyễn Hoàng	Việt	21/04/85		Công ty Egis International	7.00	4.00	11.00	11.00
924	V14.01137	Nguyễn Đức	Việt	27/09/91		CT TNHH xây dựng và thương mại Tiến Thành	7.50	5.00	12.50	12.50

12



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 34

(Kèm theo quyết định số:

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
925	V14.01138	Phạm Minh Việt	01/02/87		Trung tâm dịch vụ việc làm Hải Dương	3.00	6.50	9.50	9.50	
926	V14.01139	Phạm Minh Việt	05/08/86		TSTD	6.50	6.00	12.50	12.50	
927	V14.01141	Trần Khắc Việt	23/11/91		TSTD	2.00	3.50	5.50	5.50	
928	V14.01142	Trần Hoàng Việt	27/09/90		Ngân hàng TPCP Công thương VN	8.00	3.00	11.00	11.00	
929	V14.01143	Đỗ Thị Vinh	05/03/84	Nữ	Phòng y tế quận Thanh Xuân - HN	4.00	3.00	7.00	7.00	
930	V14.01144	Nguyễn Thị Vinh	06/01/86	Nữ	Viện Nhà nước và Pháp luật	3.50	4.50	8.00	8.00	
931	V14.01145	Nguyễn Quang Vinh	15/01/90		TSTD	3.50	2.00	5.50	5.50	
932	V14.01146	Nguyễn Quang Vinh	24/07/82		Công Ty Bảo Việt Hà Nội	3.50	3.00	6.50	6.50	
933	V14.01149	Trần Thanh Vinh	15/05/88		TSTD	5.50	2.00	7.50	7.50	
934	V14.01150	Vũ Văn Vinh	01/04/88		Ngân hàng TMCP Công thương	5.50	4.50	10.00	10.00	
935	V14.01151	Vũ Công Vinh	13/09/91		TSTD	4.00	1.00	5.00	5.00	
936	V14.01152	Đặng Xuân Vinh	09/03/84		TSTD	3.50	4.00	7.50	7.50	
937	V14.01153	Đoàn Vũ	02/01/85		Thanh tra GTVT Nam Từ Liêm - HN	3.50	4.00	7.50	7.50	
938	V14.01154	Phạm Tuấn Vũ	27/10/90		TSTD	1.50	6.50	8.00	8.00	
939	V14.01155	Hoàng Minh Vương	10/06/89		Lữ đoàn 172	2.00	3.00	5.00	5.00	
940	V14.01157	Nguyễn Đức Xuân	01/04/83		TSTD	3.00	1.00	4.00	4.00	
941	V14.01158	Trần Thanh Xuân	12/03/92	Nữ	TSTD	4.00	3.50	7.50	7.50	
942	V14.01159	Nguyễn Trường Yên	13/03/87		Ngân hàng TMCP DNA	7.50	6.00	13.50	13.50	
943	V14.01160	Bùi Hải Yên	11/07/91	Nữ	Công ty cổ phần dịch vụ trường học Quang Minh	2.00	2.00	4.00	4.00	
944	V14.01161	Đào Hoàng Yên	05/11/91	Nữ	Sở Tư pháp Hà Nội	3.50	5.00	8.50	8.50	
945	V14.01162	Lê Hoàng Yên	08/04/84	Nữ	Công Ty điện lực Ba Đình	8.00	5.00	13.00	13.00	
946	V14.01163	Lê Hải Yên	12/02/91	Nữ	TSTD	3.50	3.50	7.00	7.00	
947	V14.01164	Nguyễn Thị Hải Yên	12/02/89	Nữ	UBND phường Cát Linh - Đống Đa - HN	2.50	3.50	6.00	6.00	
948	V14.01166	Nguyễn Thị Yên	03/02/92	Nữ	TSTD	3.50	6.00	9.50	9.50	
949	V14.01167	Nguyễn Thị Yên	28/04/92	Nữ	TSTD	7.00	4.00	11.00	11.00	
950	V14.01168	Phạm Thị Yên	01/07/90	Nữ	Chi nhánh công ty luật ASEM VN	6.00	3.00	9.00	9.00	
951	V14.01169	Trần Thị Hải Yên	06/11/91	Nữ	TSTD	4.00	3.00	7.00	7.00	
952	V14.01170	Vũ Thị Hoàng Yên	14/11/91	Nữ	TSTD	3.00	6.00	9.00	9.00	

m



SỔ ĐIỂM THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Trường Văn bằng 2 chính quy khóa 14

Trang 35

(Kèm theo quyết định số:

1/QĐ-DHLHN ngày tháng năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi quản lý	TH	LSD	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
953	* V14.02000	Đỗ Duy Chiến	23/09/78		TSTD	0.50	4.00	4.50	4.50	
954	V14.02001	Nguyễn Duy Định	10/11/82		TSTD	4.00	3.00	7.00	7.00	
955	V14.02002	Trần Mạnh Thắng	10/02/83		TSTD	5.50	4.50	10.00	10.00	

CỘNG TRƯỞNG V14 : 955 THÍ SINH

TRUNG TÂM TIN HỌC

TRƯỞNG BAN THU KÝ

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG


Phan Văn Hùng


Phan Quang Dũng


Nguyễn Phương Lan


TS. Phan Chí Hiếu